

# THÀNH DUY THỨC LUẬN CHUỖNG TRUNG XU YẾU

## QUYỂN THƯỢNG PHẦN 2

Kệ tụng về phế lập và lia hợp của ba thứ uẩn xứ giới ghi:

*“Tùy tăng nói ngã sự*

*Là y sở hành đây*

*Sinh trì phân hợp rộng*

*Không riêng căn sở duyên”.*

“Tùy tăng nói ngã sự” nghĩa là lập năm uẩn phế lập lia hợp. Luận Đối Pháp ghi: “Do đâu uẩn chỉ có năm? Vì hiển bày năm thứ ngã sự đó là: Thân ngã sự, thọ dụng ngã sự, nói năng ngã sự, tạo tác tất cả pháp phi pháp ngã sự, chỗ kia y chỉ ngã tự thể sự. Thứ lớp như thế phối hợp giải thích năm uẩn, nên chẳng giảm tăng, có lia có hợp. “Là y sở hành đây, sinh trì phân hợp rộng”, nghĩa là lập xứ giới, lia hợp phế lập. Nghĩa xuất sinh là nghĩa xứ nên lược bỏ thức, y và sở hành đây là mười hai xứ, là nơi xuất sinh ra sáu thức đó, nên chẳng lia là xứ. Nghĩa trì tự tánh, nghĩa năng nhậm trì, là nghĩa giới, nên nói rộng về sở y của thức và nói rộng thức này, đồng thời nói rộng về sở hành, thành mười tám giới là sáu căn sáu cảnh năng trì sáu thức. Tự thể của sáu thức năng trì dụng của thức. Thể năng tự trì, lia thức lập giới. Thể chẳng tự sinh, chẳng lia sáu thức để lập làm xứ, nên uẩn giới xứ chẳng giảm chẳng tăng, có lia có hợp. “Không riêng căn sở duyên” là giải thích Thức thứ bảy, thứ tám chẳng nói riêng là xứ giới. Do vì lia ngoài căn cảnh sáu thức, lại không có căn cảnh riêng có thể lập giới xứ cho nên chẳng lập. Luận Trung Biên quyển 2 giải thích nghĩa uẩn xứ giới bằng bài tụng:

*“Phi nhất và tổng lược*

*Nghĩa phân đoạn là uẩn*

*Năng sở thủ thủ kia*

*Nghĩa chủng tử là giới*

*Năng thọ cảnh sở liễu  
Nghĩa dụng môn là xứ”.*

Nói rộng như luận này nói, mười loại ba khoa như Đối Pháp sao. Trong đây tổng nêu ba môn phân biệt:

1. Giải thích danh nghĩa
2. Phế lập
3. Mười loại sai biệt.

Các tướng như vậy, bên trong hỏi khởi, thuật nói ba Luận sư An Tuệ v.v... riêng hỏi. Tướng kia đều y chỗ thức chuyển biến mà giả thi thiết. Thế gian đối với đây khởi chấp, Thánh giáo y cứ nghĩa đây nói. Sở chấp, y tha tùy nên riêng nói. Đây là Luận sư Hộ Pháp và Nan-đà giải thích. Luận sư An Tuệ giải thích: Hai thứ tức y Biến kế sở chấp. Lại cùng chẳng đồng giải thích, tướng kia chỉ y Kiến phần Tướng phần gọi là sở chuyển biến, cùng biệt giải thích sau là trong đây, tự chứng cũng sở chuyển biến, sau căn cứ ngã pháp thông y, xưa nay đồng thừa nhận, chỗ Đại Tiểu thành, chỉ y kiến tướng. Đây căn cứ thật y nên đều là tự thể, chủng tử biến hiện hành. Hiện hành cũng biến làm chủng tử vậy, Chân như chẳng phải y nên luận chẳng nói.

Tướng kiến, đồng chủng biệt chủng sinh có hai giải thích: Có thuyết nói Tướng kiến đồng chủng sinh, nghĩa là không bản chất. Ảnh tượng tướng và Kiến phần đồng chủng sinh. Đó có bản chất, bản chất cũng đồng chủng sinh, tức một Kiến phần chủng sinh. Lúc hiện hành, ba pháp đồng một chủng đó là kiến, ảnh chất. Có thuyết nói kiến tướng biệt chủng sinh là bản chất, Kiến phần định biệt chủng sinh. Ảnh tượng tướng đó cùng Kiến phần và bản chất, hoặc dị hoặc đồng, chủng Tướng phần v.v... hiện hành làm nhân duyên nên vốn có Câu sinh. Hiện hành Tướng phần hoặc hòa hợp sinh, chủng mới cũ đồng sinh. Với hai phần này, Luận sư An Tuệ cũng nói chủng sinh, kiến và thể đồng. Hai thuyết Tướng phần, hoặc đồng hoặc dị. Tướng phần không thể, chủng tử là giả. Chánh nghĩa của Sư Hộ Pháp là ảnh chất hai tướng cùng kiến phân làm ba. Ba đây, chủng tử ba tánh giới trí buộc v.v... chưa cần đều đồng, tùy chỗ ứng. Tức chỗ trước nói Tướng phần biệt chủng là chánh nghĩa đây. Bài tụng ghi:

*“Tánh cảnh chẳng tùy tâm  
Độc ảnh chỉ tùy kiến  
Đời chất thông tình, bản  
Tánh chủng thấy tùy ứng”.*

Tổng nhiếp các cảnh, có ba loại:

1. Tánh cảnh. Thế các chân pháp gọi là tánh cảnh. Sắc là chân sắc, tâm là thật tâm, pháp chân thật đây chẳng định tùy tâm. Ba tánh chẳng định, như thật năm trần, chỉ tánh Vô ký, chẳng tùy năng duyên năm thức, thông ba tánh vậy, cũng chẳng tùy tâm đồng ở một trói buộc, như Thức thứ tám là một cõi trói buộc. Sở duyên chủng tử thông ba cõi trói buộc, thân tại cõi dưới lúc khởi hai thông duyên thiên nhãn nhĩ. Thân tại địa trên hai thức nhãn nhĩ thấy cảnh dục giới. Nhị thiên trở lên nhãn nhĩ thân thức duyên tự địa cảnh, thức sơ thiên trói buộc cảnh tự địa trói buộc. Các loại như vậy cũng chẳng tùy tâm, chỗ một chủng sinh. Do kiến tướng chủng mỗi mỗi thể riêng biệt.

2. Cảnh của độc ảnh chỉ từ Kiến phần, tánh trói buộc chủng tử đều định đồng. Như Thức thứ sáu duyên lông rùa, hoa đốm hư không, thạch nữ, Vô vi, giới khác duyên v.v... chỗ có các cảnh. Các loại như vậy đều là tùy tâm, không thể dụng riêng biệt, giả cảnh nhiếp vậy, gọi là độc ảnh;

3. Cảnh của đới chất, nghĩa là ảnh tượng đây có bản chất thật, như sở biến Tướng phần trong Thức thứ bảy được từ bản chất là vô phú Vô ký v.v... cũng từ Kiến phần là chỗ hữu phú nhiếp. Cũng được nói là từ bản chất chủng sinh, cũng được nói là từ Kiến phần chủng sinh, vì nghĩa chẳng định.

Tánh chủng tử tùy ứng là nghĩa bất định, có hai tùy ứng:

1. Nghĩa hiển ba cảnh, các tâm tụ sinh. Có chỉ có một, có hai hai hợp có ba đồng tụ. Có một là, như trước đã nói. Có hai hợp là như Thức thứ tám duyên tán cảnh tự địa. Chỗ tâm vương duyên là tánh cảnh ở đầu, chỗ tâm sở duyên là cảnh độc ảnh, chỗ năm thức duyên là năm trần tự địa, là tánh cảnh đầu cũng được nói là cảnh của đới chất, như Thức thứ sáu duyên năm uẩn ở quá khứ và vị lai. Đặc là độc ảnh cũng được nói là cảnh của đới chất, huân thành chủng tử sinh bản chất. Có ba hợp là, như nhân thứ tám duyên định quả sắc, chỗ tâm sở duyên chỉ là độc ảnh, chỗ tâm vương duyên là thật tánh cảnh cũng được nói là cảnh của đới chất, chỗ thứ sáu duyên sắc của định quả, là bản chất.

2. Lại tánh chủng tử tùy ứng là, hiển bày ba cảnh trên tùy chỗ đó ứng, hoặc tánh tuy đồng mà hệ chủng chẳng đồng. Như tại Hạ Địa duyên thượng giới Thiên nhãn nhĩ. Hoặc hệ tuy đồng tánh, chủng chẳng đồng. Như năm thức duyên năm trần tự giới. Hoặc chủng tuy đồng mà hệ chẳng đồng, ước về tụ mà luận đó tức có, một pháp luận tâm tức không, như Thức thứ tám, chỗ tụ tâm sở duyên cùng kiến đồng chủng, chỗ tâm vương duyên mà hệ chẳng đồng.

Hai hợp ba hợp tư duy chuẩn cứ có thể biết, dùng một bài tụng đây định thể các pháp ở trong tám thức hoặc nhân hoặc quả mỗi mỗi hành tướng ở pháp năm uẩn mỗi biệt điệp xuất, sợ nhiều phiền nên đây tạm thôi.

Biến, nghĩa là thức thể chuyển tợ hai phần, giải thích năng sở biến, y hai phần dưới đây giải thích năng sở y. Ngã pháp đều y chỗ thức biến. Nếu y tổng làm hai văn khoa là: Một văn giải thích trong câu thứ ba, hoặc là nội thức chuyển tợ ngoại cảnh. Giải thích năng sở biến, ngã pháp phân biệt huân tập lực nên dưới. Giải thích năng sở y, chỗ ngu phu kế chấp, phân làm hai văn. Năng sở biến là thức sở biến, năng sở y là kia y.

Ngã pháp phân biệt huân tập lực nên v.v... trong văn có hai vắn hỏi. Một, các thức lúc sinh tợ ngã pháp là đều do lực của ngã pháp phân biệt huân tập, hay cũng chẳng do? Nếu đều do là, tám thức năm thức không hai phân biệt, lúc sau sinh quả nên chẳng tợ hai. Nếu chẳng do là, trong đây tại sao chỉ nói ngã pháp huân tập làm nhân?

Đáp: Hai giải thích đều được. Giải thích đó đều do là tất cả Hữu lậu và hai phân biệt trong thứ bảy câu vậy hoặc hai phân biệt trong Thức thứ sáu dẫn vậy, lúc sau sinh quả đều tợ ngã pháp. Giải thích chưa hẳn là vậy, đây nói thứ sáu căn bản duyên khắp tất cả làm nhân duyên phát các thức khiến huân tập. Lúc sau sinh quả tợ ngã pháp cùng khởi. Hoặc chẳng phải ngoài tợ ngoài, Thức thứ sáu, thứ bảy kế chấp làm tợ ngoài được khởi, như Sư An Tuệ nói tám thức có chấp, chẳng phải hỏi đây.

Như người nằm mộng là, Bà-thích-noa Hán dịch là Lưu Chuyển, trước đây dịch Bà-la-na là nhâm. Lưu Chuyển là vua nước My-hy-la, dung mạo đoan chánh, tự cho là không ai sánh bằng, tìm kiếm người có dung mạo thù thắng, muốn so với họ để thấy mình đẹp hơn. Bấy giờ có người nói: “Trong thành Vương-xá có Đại Ca-chiên-diên hình dung rất đẹp trong đời không sai sánh bằng”. Vua bèn sai người đi nghênh đón Ca-chiên-diên đến. Vua ra ngoài cung để đón tiếp, vua chẳng bằng ngài, mọi người chỉ chăm nhìn Ca-chiên-diên mà chẳng ngó ngàn gì vua. Vua hỏi nguyên do, mọi người trả lời: “Ca-chiên-diên dung mạo hơn vua”. Vua hỏi: “Đại đức! Quả nay do nhân xưa trước thế nào?” Ca-chiên-diên đáp: “Xưa kia tôi xuất gia, vua làm kẻ xin ăn. Tôi đang quét chùa, vua đến xin ăn. Tôi quét đất xong, sai vua hốt phân, vua hốt phân xong tôi mới cho vua ăn. Do nghiệp nhân ấy, sinh trong trời người được quả báo đoan chánh”. Vua nghe như vậy rồi, sau đó xin xuất gia là đệ tử

của Ca-chiên-diên. Sau lại cùng Ca-chiên-diên đi đến nước A-bát-địa, vào trong núi Tu đạo riêng tọa thiền một nơi. Vua nước A-bát-địa tên là Bát-thọ-đa, đem các cung nhân vào núi dạo chơi. Cung nhân thấy vua lưu chuyển hình mạo đoan chánh nên vây quanh ngắm nhìn. Vua Bát-thọ-đa thấy vua Bà-thích-noa nghi có dục ý, bèn hỏi rằng: “Ông là A-la-hán ư?” Vua Bà-thích-noa đáp: “Chẳng phải”. Lần lượt hỏi mỗi mỗi ở ba quả còn lại, đều đáp là chẳng phải. Lại hỏi: “Ông lìa dục chẳng?” Lại đáp: “Chẳng phải”. Vua Bát-thọ-đa nổi giận bảo: “Nếu vậy tại sao ông vào trong các thể nữ của ta?” Và đánh đập Bà-thích-noa mình mẩy bầm dập ngất xỉu mà chết, đến tối mới tỉnh lại, bèn đến nơi Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên trông thấy vậy, tâm sinh xót thương. Các bạn đồng học với vua thăm hỏi chữa trị. Vua Bà-thích-noa nói với Ca-chiên-diên rằng: “Tôi đến xin thầy tạm được trở về nước cũ nhóm tập quân lính để đánh phá nước A-bát-địa, giết vua Bát-thọ-đa, công việc hoàn tất sẽ trở lại theo thầy Tu đạo”. Ca-chiên-diên bảo: “Vua muốn đi cũng được, nhưng tạm nghỉ lại một đêm đã”. Và Ca-chiên-diên an đặt một nơi tốt lành để cho ông ấy ngủ, muốn khiến ông ấy cảm mộng, mộng thấy nhóm tập binh lính chinh phạt A-bát-địa, quân mình bại trận, thân bị kia bắt, trói buộc tay chân, hoa đỏ đánh đầu, nổi trống muốn giết. Trong cơn mộng, vua kêu lớn thất thanh: “Nay con không trở về, xin thầy cứu giúp, làm nơi nương tựa để được thọ mạng lâu dài!” Ca-chiên-diên dùng thần lực từ ngón tay phát ra lửa, gọi vua khiến tỉnh, hỏi tại sao? Tâm vua chưa tỉnh, còn nói việc lửa cháy. Ca-chiên-diên dùng lửa soi chiếu mà hỏi vua: “Đây là xứ nào? Ông có thể tự xem”. Tâm vua mới tỉnh, Ca-chiên-diên bảo: “Nếu ông đánh nước kia, hẳn sẽ bị bại như chỗ mộng thấy”. Vua nói: “Xin thầy vì trừ ý độc”. Ca-chiên-diên giảng nói tất cả các pháp, thí như cõi nước giả danh không thật, lìa phòng nhà v.v... thì không riêng có cõi nước cho đến rộng nói các thứ nhân duyên đến một cực vi cũng chẳng phải sự thật, không đây không kia không oán không thân vua nghe pháp đó, được quả Dự lưu, dần sau đắc quả A-la-hán.

Cảnh giới chỉ thế tục có là, số có hai giải thích, nay lại nói thêm: Biển kế sở chấp, cảnh phàm phu nên chỉ thế tục có, y tha khởi tánh, cảnh trí Thánh phàm, thức cũng thắng nghĩa, hiển bày gần đó.

Bên trong cửa phá ngã, Số luận, Thắng luận lập ngã tông là: Ngã, ngã tánh là thường, thừa nhận không trước sau vậy, như hư không v.v... Lại, ngã thể khắp cùng, thừa nhận thường trụ vậy, như hư không v.v... chỗ trước lập tông tức là nhân đây, ngã thể thường khắp, thừa nhận tùy

thân tạo nghiệp thọ khổ lạc v.v... vậy, như hư không, vạn hỏi thứ nhất lập lượng là: Hữu, hữu pháp sai biệt lỗi trái nhau. Ngã trên hữu pháp, chỗ ý thừa nhận nghĩa, tùy thân tạo nghiệp, thọ khổ lạc ngã, chẳng tùy thân tạo nghiệp, thọ khổ lạc ngã, là sai biệt của ngã hữu pháp. Nay tạo trái nhau là: Ngã của ông nên chẳng phải tùy thân thọ khổ lạc ngã, thừa nhận không trước sau, như hư không. Vạn hỏi thứ hai lập lượng là: Làm pháp sai biệt lỗi trái nhau, thể khắp cùng trên tự tướng pháp, ý chỗ thừa nhận nghĩa, tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc thể khắp cùng chẳng phải tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc, thể khắp cùng là sai biệt. Nay làm trái nhau là: Ngã của ông nên chẳng tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc thừa nhận thường trụ vậy, như hư không. Vạn hỏi thứ ba lập lượng là: Nhân của tùy thân đã tùy một chẳng thành, ở trên đồng dụ không không, tức chẳng cộng chẳng định. Tông của thường khắp, không là đồng dụ, bình là dị dụ. Nhân tùy thân tạo nghiệp v.v... cả hai cũng đều chẳng phải có. Luận văn hoặc riêng tỷ lượng trái nhau vạn hỏi rằng: Ngã của ông nên chẳng tùy thân tạo nghiệp thọ quả, thừa nhận thường khắp vậy, như hư không. Đây riêng dùng tỷ lượng nêu bày, chẳng cần thuật bản lượng đó.

Ly hệ lập lượng là: Ngã của chỗ nói tùy thân chẳng định, chỗ thân có vậy, giống như ảnh v.v... trong vạn hỏi sau nên nói: Ngã nên có thể bẻ, chấp tùy thân vậy, giống như ảnh v.v... chẳng cần dùng co duỗi giải thích nghĩa tùy thân. Luận Du-già quyển 6, quyển 64 và luận Hiền Dương quyển 10 ghi: “Chấp ngã có bốn:

1. Tức uẩn.
2. Khác uẩn trụ trong uẩn.
3. Khác uẩn trụ trong pháp lia uẩn.
4. Khác uẩn chẳng phải trụ trong uẩn cũng chẳng phải trụ trong pháp khác uẩn mà không có uẩn, tất cả pháp uẩn đều chẳng tương ưng”.

Ba loại sau đều thuộc về dị uẩn chấp, hợp làm hai ba loại. Một hai trong tánh nhiếp hết, nó chỉ phá ngoại đạo chẳng phá Tiểu thừa, nên không cùng uẩn chẳng tức chẳng lia. Phá trong chẳng phải tức lia, lại có lập lượng là: Chỗ ông chấp ngã, chẳng nên nói là ngã, ngã chẳng phải ngã kẻ khác, thừa nhận chẳng thể nói vậy, như Hữu vi, Vô vi. Nghĩa đây tuy có thể vậy, chẳng thuận ý văn, mới phá một ngã, chẳng phải tất cả. Luận đây lại chỉ phá một Sư chấp ngã, chẳng phải tất cả, giải thích này mới phá chung tất cả. Lại, chỉ nêu một pháp đủ làm đồng dụ, sao mượn Hữu vi Vô vi. Lại, luận tổng khiến ở ngã chẳng phải ngã tự cũng nên

chẳng thể nói, như Hữu vi Vô vi, sao được mới nói như Hữu vi Vô vi, ngã chẳng phải ngã kẻ khác, cho nên lẽ ra như số giải thích.

Trong phá tác dụng, lược có bốn loại:

1. Sinh tử có dụng, Niết-bàn không có dụng.
2. Tăng-khư v.v... không tác dụng động chuyển, các thứ khác có dụng ấy.
3. Thêu dệt cũng không dụng tác thọ v.v...;
4. Chánh vận hỏi có dụng, đặt câu hỏi không có dụng.

Dục tham gọi là thủ, tuy văn của Đối Pháp đồng với Thập địa giải thích Thủ chi rằng: “Ái tăng thượng gọi là Thủ”. Đây tùy nghĩa tăng, chẳng phải lý chân thật, căn cứ thật mà nói, như luận Du-già v.v... ghi: “Tất cả phiền não gọi là Thủ chi”. Thủ uẩn cũng vậy, uẩn năng sinh thủ, như hoa quả cây, uẩn từ thủ sinh, như cỏ trấu lửa.

Chỗ Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám cùng Kiến đồng một trói buộc, vì mặc tình duyên. Thức thứ sáu mặc tình duyên, tại sao? Tức tổng hoặc biệt, hoặc đồng địa chẳng đồng địa trói buộc, nên tư duy đó vậy, tùy chỗ duyên hiện hành trói buộc không tùy chủng, nhuận sinh kiến duyên sẽ sinh. Văn quyển 88 duyên khắp pháp ba cõi, hàng Nhị thừa trước phục tu vào Kiến đạo. Có thuyết nói Tu hoặc Kiến hoặc một lúc chóng đoạn, gia hạnh vui cầu vì trước bề gãy thế lực, có thuyết nói khởi Vô gián đạo đoạn. Nay lấy chóng đoạn, chẳng lấy biệt đoạn.

Nói khởi tướng tự tâm, có hai giải thích:

1. Tức tướng ảnh tượng.
2. Tức tướng sở chấp, tuy không thật thể, xứng tình mà hiện vậy, các thuyết nói về tướng tâm đều theo đây mà biết.

Hai ngã chấp đây tinh tế nên khó đoạn, số có ba giải thích:

1. Vì tướng hành kiến của Tu đạo vi tế, đi với Kiến đạo, hoặc trong Tu đạo tự mong tám thức trước là tế.
2. Vì Kiến đạo dễ đoạn nên gọi là tế, đạo trên khó trừ nên gọi là thô. Như tự phần thô tế trong ba tâm.
3. Kiến đạo đứng về năng trị đạo yếu kém, tướng sở đoạn từ phẩm đầu tiên gọi là tế, Tu đạo đứng về hành tướng tự phẩm, gọi là tế.

Khó đoạn, trong số giải thích cũng có ba:

1. Thế đạo chẳng phục.
2. Dần dần sơ đạo chẳng đoạn vì chẳng phải Kiến đạo.
3. Khuyết đạo chẳng trừ, cốt yếu chín phẩm đầy đủ, đạo mới có thể đoạn.

Nay, thứ tư nếu vượt người quả thứ ba, Thức thứ sáu chấp, ở đây

có năm giải thích:

1. Kiến đạo không thể đoạn, sau khi vượt đắc quả mà cũng chẳng đoạn, cần phải đến tâm Kim cương cùng Thức thứ bảy chấp một lúc đoạn.

2. Sau vượt đắc quả, riêng khởi đạo đoạn, nó đã chẳng chướng quả, tại sao địa kia mê hoặc, như Thức thứ bảy chấp đây cũng đâu có trái ngược.

3. Lúc vượt đắc quả, sau tướng Kiến đạo lại chẳng vượt quán, riêng khởi Thắng tấn đạo, Gia hạnh đạo v.v... đoạn hoặc tu đạo đắc quả thứ ba, các xứ chỉ nói tâm thứ mười sáu đã biết căn nhiếp mà dựng lập quả, tại sao trong đây sau khởi Tu đạo đoạn hoặc đắc quả. Vì sơ quả chẳng phải vượt qua.

4. Lúc vượt đắc quả, từ tướng Kiến đạo tức vào Tu đạo, không gián đoạn, giải thích thoát đoạn Tu hoặc đắc quả. Chẳng khởi gia hạnh, không duyên riêng khởi Gia hạnh đạo.

5. Lúc vượt đắc quả, tức một sát-na thân thật Kiến đạo, không gián đoạn, Kiến hoặc Tu hoặc cả hai đều đoạn, tuy đạo đời trước chẳng phục ngã chấp, do ý lạc thù thắng vào vị Kiến đạo.

Phục và chẳng phục trong một niệm đều đoạn, y cứ giải thích thứ nhất. Đạo luôn luôn tu, đoạn chẳng luôn luôn, y cứ giải thích thứ hai và thứ ba, đạo đoạn đều luôn luôn, y cứ giải thích thứ tư, trước lia Vô sở hữu xứ sau đó muốn khởi thứ ba sau thành vô học, chỉ hai phẩm đoạn. Tóm lại, tùy chỗ xứng đáng trước mà thành nghĩa luôn luôn hoặc chẳng luôn luôn.

Vượt qua quả thứ tư chóng thủ hai quả là, tuy thiếu Hữu đẳng, thiếu tám phẩm trước, ngã chấp ba cõi mà không thể đoạn, lần lượt đắc quả. Trong Phi tướng địa có hai nghĩa nói, nếu là chín phẩm đoạn, tám đạo trước cũng chẳng trừ đó, tức địa phẩm thứ chín. Nếu là một phẩm đoạn chỉ khuyết Hữu đẳng tức năng đoạn hết, nghĩa trước là chánh, nghĩa sau không có văn nói, ba mươi bốn niệm v.v... cần phải đủ chín phẩm. Thứ bảy cần yếu khuyết Hữu đẳng, thứ chín mới năng đoạn hết. Do khó đoạn đây nên luôn luôn đoạn. Đó là người vượt qua quả thứ tư, Thức thứ sáu chấp đạo luôn luôn tu, đạo chẳng phải luôn luôn, một phẩm đoạn vậy, lần lượt đắc quả, một địa mà giải thích, tám đạo trước luôn luôn tu, thân kiến phẩm thứ chín trừ, đoạn chẳng phải luôn luôn. Nếu gần chín chín địa mà luận, đạo đoạn đều luôn luôn nếu hồi tâm rồi chỉ tập luôn đoạn chẳng phải chướng.

Phân biệt hai chấp đã chẳng nói chung riêng, tức ngã của uẩn gồm



hai mươi câu v.v... luận chỉ nói riêng, mà không có văn nói chung. Đây có hai giải thích:

1. Y cứ văn nghĩa thật không có chung, nhưng chưa thấy văn chỉ cùng Câu sinh trước chẳng đồng, do đó chẳng nói.

2. Giải thích thật có chung riêng vì đồng với trước nên lược mà chẳng luận, như uẩn chấp ngã lẽ đâu chọn lựa tổng ư? Giải thích này là thù thắng ngã của lìa uẩn chẳng nói chung riêng.

Hai ngã chấp đây, trước lúc Kiến đạo đoạn là như sơ có thể biết. Ba tâm Kiến đạo phân biệt hai chấp. Ba tâm Kiến đạo tại sao đoạn mới đầu, tại sao đoạn sau? Hai thứ đều thông, đều có lực của bạn tà, tư duy tà khởi. Một là lực tà giáo khởi nên đoạn sau, lực tư duy là đoạn trước, vì thô dễ đoạn. Giải thích thứ hai trái với đây, là lực tà giáo khởi là đoạn trước, như tiếp tục thiện căn trước thế mỏng kém. Lực tư duy tà khởi đoạn sau như tiếp tục thiện căn, địa ngục lúc chết tiếp tục, vì thế lực bền chắc. Giải thích thứ ba, tức uẩn kế chấp v.v... đoạn sau, vì tế nên uẩn ngã tương tự, lìa uẩn kế chấp đoạn trước, vì thô mạnh. Giải thích thứ tư, bất định, trong chín Địa mỗi mỗi địa đều có thô tế. Thô là trừ trước, tế là đoạn sau. Do ở một lúc hành có thô tế, đoạn có trước sau, các phiền não đó cùng đây đồng lưu, tùy phẩm loại đó, nói đoạn trước sau. Luận về sức huân tập cho nên được thức có ghi nhớ. Hỏi: Tâm trước thiện, chẳng thiện huân nên sau có thể ghi nhớ, tâm trước nếu Dị thực, chẳng huân, sau chẳng ghi nhớ ư? Đáp: Tâm trước là năng huân, có chủng sau năng ghi nhớ. Tâm trước nếu Dị thực, chẳng huân sau chẳng ghi nhớ. Hỏi: Tâm trước là năng huân, có nhân quả năng ghi nhớ. Tâm sau nếu Dị thực, không nhân ghi nhớ chẳng phải quả ư? Đáp: Tâm trước là năng huân có nhân sau năng ghi nhớ, chưa hẳn cần đồng tánh, Dị thực đâu ngại ghi nhớ, như trước tâm sân, sau tâm thiện ghi nhớ, khác tánh làm nhân, khác tánh năng ghi nhớ. Phật ghi nhớ tất cả mọi sự từ vô thủy. Hữu lậu tức mạng há chẳng thể ghi nhớ tâm Dị thực ư? Chỉ do lúc sau huân tập thù thắng nên có thể ghi nhớ việc trước, chẳng phải cần nhân đây sinh quả đây.

Đã có ba tướng, sao thấy là một? Đây là vấn hỏi ba đức mỗi mỗi nên thấy một, không đồng với sơ. Một căn lẽ ra được tất cả cảnh, vì căn không riêng biệt, một cảnh các căn được, vì cảnh không khác.

Phá các câu “thường” trong Thắng luận: phá chấp thường của Thắng luận thứ nhất vấn hỏi có dụng chẳng phải thường, thứ hai vấn hỏi không dụng tức là thức.

Trong phá vô thường: thứ nhất vấn hỏi có ngại chẳng phải thật,

thứ hai vặn hỏi không có dụng tức là thức.

Trong phá thật đức: thứ nhất, vặn hỏi câu đại chẳng phải thật; thứ hai, vặn hỏi tánh cứng v.v... chẳng phải đức; thứ ba, vặn hỏi địa v.v... chẳng phải kiến; thứ tư, vặn hỏi câu sắc chẳng phải đức.

Trong câu “phá thật”: thứ nhất vặn hỏi có phá vô thường; thứ hai, vặn hỏi không ngại thành có, thừa nhận sắc căn thủ nên khiến thành có ngại.

Trong câu “phá hữu”, có bốn đoạn:

1. Lỗi pháp tự trái nhau. Họ nói: Hữu tánh, lia ngoài câu thật có tự tánh riêng, vì thừa nhận chẳng phải không có, như đức nghiệp. Đây có lỗi bất định, vì câu thật là dị pháp dụ, vì nhân đi với nó là có. Nay nói: Lia ngoài câu “thật”, không có tự tánh riêng, vì thừa nhận chẳng phải không có, giống như câu “thật”. Các sư ngoại đạo kia, nếu vì đức nghiệp như nhân dị hòa hợp làm lỗi bất định, chẳng phải lỗi bất định, vì nó bất định chẳng phải tự chung cùng. Luận đã dùng đức nghiệp làm đồng dụ, chỉ tỷ lượng trái nhau.

2. Có lỗi pháp tự tương trái nhau. Họ nói: Có tánh lia thật, có tự tánh riêng, thừa nhận khác thật vậy, như đức nghiệp, vì có tánh làm hữu pháp. Nay nói: Có tánh nên chẳng phải có tánh, nên thành tự tương hữu pháp trái nhau. Nay nêu không có pháp làm dụ, cũng thành quyết định trái nhau.

Thứ ba, thứ tư đều cùng tỷ lượng trái nhau.

Vặn hỏi trong tánh đồng dị: Thứ nhất, lỗi tự tương hữu pháp trái nhau. Họ nói: Tánh đồng dị, định khác thật riêng có, vì thừa nhận khác thật như đức nghiệp. Nay khiến đồng dị cũng chẳng phải đồng dị, nên thành tự tương hữu pháp trái nhau, tại sao cũng gọi là thừa nhận khác thật v.v...? Nhân chẳng chỉ hiển bày có khác ở thật đức nghiệp, cũng hiển bày tánh thật v.v... chẳng phải thật tánh, như năng thành ngăn ngừa thật. Như vậy cũng năng thành ngăn ngừa tánh đồng dị, vì đều quyết định, nên thành tự tương hữu pháp trái nhau. Lại chẳng chỉ có tỷ lượng và quyết định trái nhau và có tự tương hữu pháp trái nhau. Nên luận nói là “cũng”, nếu không như vậy cũng nói liền trở thành không dụng. Lỗi tỷ lượng trái nhau là ba thứ thật đức nghiệp là không tánh riêng, trong câu sáu, câu mười tùy một nhiếp, như đại, hữu v.v...

Lại, hoặc thật tánh, định khác thật không, vì thừa nhận hiển bày thật. Ngoài ra, đức nghiệp tánh cũng vậy, cũng thành quyết định trái nhau. Vặn hỏi thật chẳng phải thật, cũng đồng đây phá, nhân lời nói bèn phá chẳng phải chánh vặn hỏi; Thứ ba, chuẩn cứ trên trở lại hai vặn

hỏi, tổng biệt có khác, nghĩa lý không riêng; Thứ tư, tỷ lượng trái nhau, kia nói thật tánh, không có tánh riêng, thừa nhận chẳng phải mới đầu có ba, như đại hữu v.v... chẳng chỉ thiếu không có đồng dụ mà thành lỗi bất cộng bất định cũng thành tỷ lượng trái nhau; thứ năm, cũng tỷ lượng trái nhau.

Phá lia thức thật có tự thể trong trí hiện lượng, tâm, tâm sở trong câu đức đáng lẽ có chọn lựa. Trong phá Đại tự tại thiên, luận văn nói có bốn nhân, như thứ lớp trở xuống vận hỏi ở tông trên, nhưng lại hỗ tương làm nhân. Một nhân vận hỏi ba tông cũng được, như lý nên biết.

Trong luận về Thanh, luận Du-già quyển 15 ghi: Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập là như rễ cây là cội rễ gieo trồng cây. Cội rễ của thanh, gọi đó là căn tài tức là chữ, biện ra Thanh xứ sở gọi là xứ sở, gốc Thanh Minh. Nghĩa là kiếp mới đầu khởi, Phạm thiên sáng tạo một trăm vạn bài tụng Thanh Minh, sau mạng tuệ giảm, sau đó Đế Thích lược làm mười vạn bài tụng, tiếp đến có Tiên Ca-đa-một-la lược làm một vạn hai ngàn bài tụng, tiếp nữa có Tiên Ba-ni-ni lược làm tám ngàn bài tụng. Trên đây bốn luận đều gọi là xứ sở, nay hiện hành chỉ có hai loại sau, còn hai luận trước đều đã diệt mất. Thể chữ căn tài Thanh Minh luận có ba trăm bài tụng. Tiên Ba-ni-ni lại lược tạo thành Thanh Minh tụng có một ngàn bài tụng, gọi là Thanh Minh lược bản tụng. Sau đó có Bát Giới luận, có tám vạn bài tụng, gọi là Nhân Duyên. Lại có Văn Thích-ca luận, một ngàn năm trăm bài tụng. Lại có Ôn-na-địa luận, hai ngàn năm trăm bài tụng. Năm Thanh Minh đây đều gọi là Căn tài, năng cùng căn bản xứ sở Thanh minh làm sinh trí giải thích gốc sở y. Nhưng Bồ-tát Hộ Pháp tạo hai vạn năm ngàn bài tụng, gọi là Tạng Bảo Thanh Minh luận, ở Tây phương lấy làm cực luận của Thanh Minh rất ráo, rất thịnh hành ở đời, nhưng Thanh Minh luận có năm phẩm. Luận Du-già ghi: “Tương tục, Danh hiệu, Tổng lược, Bỉ ích, Tuyên thuyết”.

Thứ nhất, Tương tục là pháp hợp thanh hợp chữ làm một phẩm là phần thứ nhất.

Thứ hai, Danh hiệu nói về kiếp mới đầu, Phạm thiên ở mỗi mỗi pháp đều lập ngàn tên gọi. Đế Thích sau giảm làm trăm tên gọi, sau lại giảm làm mười tên gọi, sau nữa lại giảm làm ba tên gọi, gồm cả thầy làm một phẩm, là phẩm danh hiệu phần trong danh hiệu phẩm thứ hai.

Thứ ba, Tổng lược là căn bản lược yếu trong Thanh Minh.

Thứ tư, Bỉ ích là tiếp trong lược đó, khiến vật sinh giải thích hiểu gọi là Bỉ ích.

Thứ năm, Tuyên thuyết là tuyên thuyết rộng, nghĩa là rộng trong

lược, với ba phẩm sau tức là phần sau.

Trong ba Thanh luận có chấp: Tất cả âm thanh đều là thường, có hai giải thích:

1. Tất cả tất cả tức nội ngoại đều chấp thường.
2. Phần nhỏ tất cả, nghĩa là tất cả Thanh bên trong thường.

Tuy có hai giải thích, giải thích trước là thù thắng. Vật ngoài tuy là chẳng thuyên, hiển bày duyên của sinh thanh cũng có tất cả vật chung cùng, cũng có mỗi mỗi riêng biệt, tùy nên có đó.

Trong phá Tát-bà-đa có ba loại:

1. Thuật tông đều chẳng phải.
2. Phá riêng.
3. Tổng kết.

Phá riêng lại có ba:

1. Đồng luận Quán Sở Duyên.
2. Tỷ lượng có thể biết.
3. Tỷ lượng nói: Hòa hợp cực vi, chẳng phải lìa ngoài bản cực vi có thể tướng riêng biệt, tức là lúc không hòa hợp là cực vi như lúc không hợp.

Năm cảnh, lược lấy năm môn phân biệt:

1. Giả thật.
2. Hữu lậu Vô lậu.
3. Ba tánh.
4. Phân biệt Dị thực v.v...
5. Thức duyên phân biệt.

Cực vi, năm môn phân biệt là:

1. Biện về nhân duyên.
2. Vặn hỏi lỗi trái nhau.
3. Nói về lợi thù thắng.
4. Tâm sở quán nào cần phương tiện, chẳng phải sinh được.
5. Tâm của năng duyên thuộc Đế nào.

Hữu lậu thông hai Đế, Vô lậu chỉ thuộc Đạo đế, nhưng chẳng phải chỉ có Khổ, thông thiện và bất thiện, chấp làm thật có. Vì chánh quán quán sát chẳng phải chỉ Khổ đế. Nhưng y cứ tư nguyện thiện ác phần hạn, đây là thân Phật là câu riêng của vô biểu, ngoài ra còn lại là câu chung của vô biểu. Do Phật vô biểu tuy là từng được chẳng phải niệm niệm mới sinh. Vì xưa trước phát nguyện chế phục nghiệp suy nghĩ rằng chúng sinh giới tận, ước mong ta mới tận, vì tâm không có cùng tận, hoặc thường có, ngoài Phật ra, hoặc đều chưa từng được. Do nguyện

chế tư chẳng khô cạn. Chưa gặp phá duyên, hoặc thường tương tục, hoặc gặp duyên của Phạm xả, nguyện đã úa hết lại chẳng khởi mới, gọi là xả hoặc. Nhưng Định đạo vô biểu chỉ y cứ Thiện tư phần hạn. Biệt giải thích thoát vô biểu toàn y cứ Thiện tư nguyện phần hạn. Bất luật nghi vô biểu chỉ y cứ Ác tư nguyện phần hạn. Ở trong vô biểu thông y cứ thiện ác tư nguyện phần hạn, nên nay hợp nói.

Tăng trưởng vị lập là ngoài Phật ra, thân Phật tu như xưa chẳng tăng trưởng. Phát thân ngữ tư. Trong số chỉ nói là nghiệp chẳng phải biểu, vô biểu. Nghiệp của danh thân biểu, là nghiệp của động thân biểu, đây là Y chủ thích. Chỉ nói thân nghiệp cũng là nghiệp của động thân. Nếu nói thân biểu, là biểu của y thân, ngữ đó tức nghiệp của biểu phát ngữ, cũng nghiệp của ngữ biểu tùy ứng đều được. Hai tư, hai nghĩa của phần giữa, phần sau trong ba tư gọi là đạo, tư trước có khắp. Thăm tư lự đó chỉ sinh một nghĩa ngay quả gọi là đạo.

Hỏi: Nếu thừa nhận chỗ tư phát thân ngữ lập vô biểu gọi là ý cũng do tư làm, nên phải lập biểu xứng, hỏi chỗ thân ngữ tư làm thì thừa nhận tên nghiệp, chỗ ý thức tư tạo cũng nên lập nghiệp xứng ư?

Đáp: Không như vậy, ngoài thân ngữ bày rõ biểu khác biểu. Ý chỉ bên trong giải thích tự biểu chẳng phải kẻ khác. Tạo tác gọi là nghiệp. Thể thân ngữ tạo tác. Thể ý tuy kẻ khác dẫn, chẳng phải tác chẳng gọi là nghiệp. Xúc, tác ý, v.v... đó đều do tư tác để thành ba tánh. Thể chẳng phải tạo tác, cũng chẳng gọi là nghiệp, cũng chẳng gọi là tự biểu. Chẳng phải vương chẳng phải thặng vậy. Quyển 59 ghi: “Thân ngữ gọi là nghiệp đạo, phát tư gọi là nghiệp”. Tham sân tà kiến gọi là đạo là tùy thuận Tát-bà-đa cùng với đây chẳng trái nhau. Trong biểu và vô biểu lược làm bài tụng là:

*“Ác hoặc sinh nhà kia  
Phát tâm khởi nhĩn lạc  
Đó là bất luật nghi  
Nghiệp đạo còn thích thành  
Ít nhiều làm sự kia  
Bền thành nghiệp bất thiện  
Ngoài ra lại có người  
Phát tâm thấy cũng vậy  
Đây do xả năm duyên  
Thê xả và thọ giới  
Mạng chung được thượng định  
Giới mất hai hình sinh*

Tỳ-kheo chẳng tự thọ  
 Từ khác chọn lựa vậy  
 Cận sự và cận trụ  
 Tự thọ cũng từ khác  
 Biểu nghiệp định từ khác  
 Vô biểu thông hai thọ Tự  
 thọ chỉ ý biểu  
 Chẳng biểu bày khác vậy  
 Xuất gia bỏ năm duyên  
 Xả học phạm trọng tội  
 Hình mất hai hình sinh  
 Đoạn thiện bỏ đồng phần  
 Cận sự do ba duyên  
 Xả học thiện căn đoạn  
 Và bỏ Chúng đồng phần  
 Cũng trước chẳng pháp diệt  
 Cận trụ cũng do ba  
 Nhật Xuất bỏ học xứ  
 Và bỏ Chúng đồng phần  
 Chẳng đoạn thiện pháp diệt  
 Định giới thông Vô sắc  
 Cận phần đầu là đoạn  
 Còn trì xa phần tánh  
 Gọi là Định luật nghi  
 Đạo giới chỉ chốn định  
 Chín sắc ba Vô sắc.

(Vì Kiến đạo thừa nhận y cứ năm Địa, Tu đạo cũng chỉ thông ba Vô sắc. Luận Du-già quyển 100 ghi: “Chín Địa năng hết lậu tức sáu Địa ở Sắc giới và năng tận lậu, tức chỉ Tu đạo, Kiến đạo chẳng y cứ khoảng giữa, ba y, năm y sinh vậy”).

Là đoạn y kiến tu  
 Đốn tiệm Vô gián đạo.

(Dự lưu vượt qua Thủ quả thứ tư, ở Dự giới có đoạn đối trị. Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: “Dự lưu y chưa đến định được vượt thứ tư”, chẳng nói y Địa khác là nay làm hai giải thích, như quyển 10 ở sau giải thích. Đốn tiệm đoạn hoặc, vẫn trong số tự giải thích).

Đây y ở phân xa  
 Tùy ứng và Hữu đẳng

(Vì thừa nhận có tâm du quán vậy).  
 Nếu khởi tâm phân khác

(Hai duyên định tán, duyên Hữu lậu Vô lậu đều không phải như vậy thì sai).

Liên xả giới tùy tâm”.

**Luận:** Nhưng y cứ tư nguyện thiện ác phần hạn v.v... là câu chung của tất cả vô biểu, cũng là câu riêng của thân Phật vô biểu. Thân Phật định giới cùng nhân chẳng khác, chỉ khác biệt thoát chẳng tăng trưởng. Tăng trưởng sau nói chỉ y cứ nhân vị, nên Phật biệt thoát vô biểu, chỉ y cứ tư nguyện phần hạn, nguyện cùng tận ở tương lai có thể xả nên chẳng đồng ở nhân, cho nên đây là câu riêng của Phật giới, câu chung của các vô biểu.

Hỏi: Nếu thừa nhận chỗ tư phát thân ngữ lập biểu danh, ý cũng do tư tác, nên phải lập biểu xưng ư?

Đáp: Thân ngữ tánh là nghiệp, có thể y cứ lập biểu danh, ý chẳng phải thể là nghiệp, làm sao được xưng biểu?

Hỏi: Thân ngữ tư tạo nên, tức thừa nhận lập tên nghiệp, ý thức tư tạo nên cũng nên lập tên nghiệp ư?

Đáp: Không như vậy. Tạo tác gọi là nghiệp, thể thân ngữ tạo tác, thể ý tuy kẻ khác dẫn chẳng phải tác nên chẳng gọi là nghiệp, xúc, tác, ý v.v... đó đều do tư tác để thành ba tánh, thể chẳng phải tạo tác, cũng chẳng gọi là nghiệp, nghĩa này nên tư duy. Quyển 59 ghi: “Thân ngữ gọi là nghiệp đạo, phát tư gọi là nghiệp”. Tham sân tà kiến gọi là đạo, là tùy thuận Tát-bà-đa cùng đây chẳng trái nhau.

Vấn hỏi trong bất tương ưng. Luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Các Bất tương ưng đều có hai lỗi nên là giả có: một là nhân lỗi; hai là thể lỗi”. Nhân lỗi là nếu sinh của sinh nên gọi đó là sinh, thì không quả riêng biệt sinh có thể được. Nếu sở sinh của sinh, gọi đó là sinh, thì chẳng nên gọi là năng sinh v.v... rộng như luận đó nói, nên nay vấn hỏi.

Phá thứ ba trong đắc, chánh phá có hai, trước là phá đắc, sau là phá phi đắc. Trong đắc lại có hai:

1. Y cứ giáo lý đều trưng bày, tức là bày vấn hỏi.
2. Giả sử có nghĩa riêng biệt trưng bày, lại được ở pháp v.v...

Trong đoạn đầu lại có bốn:

1. Dẫn giáo đều vấn hỏi.
2. Phá chống chế tự tại gọi là thành.
3. Do hiện tại có thể giả nói có.

## 4. Phá chống chế của họ.

Nếu không đặc nghĩa là pháp chưa khởi nên trọn chẳng sinh là hiện tại hẳn có thiện chủng v.v... nên dù có nghĩa riêng biệt. Trong trưng bày có hai: Trước là hỏi về định, sau là phá riêng. Trong phá lại có hai: Như văn có thể biết, trước phá trong năng khởi có ba, như văn tự hiểu.

Trong thành, bất thành: Chủng tử thành thực, nghĩa là có hai Thừa và thế đạo thành, bất thành, không nói Bồ-tát. Hai chương trước Kiến đạo của Bồ-tát trước Kiến đạo. Lẽ ra nói phiền não chủng của hai Thừa có thành và chẳng thành, sở tri thuần là thành. Bồ-tát thì nói cả hai, tư lương vị Câu sinh thành và chẳng thành, phân biệt thành và chẳng thành, gia hạnh vị thuần là chẳng thành. Câu sinh có cả thành và chẳng thành. Vào Kiến đạo rồi, Tu đạo thành và chẳng thành, Kiến đạo thuần chẳng thành. Tu đạo thứ bảy thuần là thành; Thứ sáu có thành và chẳng thành, phiền não chướng chẳng đoạn thuần là thành, sở tri chướng chủng có thành và chẳng thành, cứ như thế mà tư duy.

Dị sinh tánh chỉ nhiệm chủng hai chương trên mà lập. Hỏi: Trí chướng chẳng chướng ở Nhị thừa, tức nói là vô phú, người không tánh hai chương đều chẳng chướng ba Thừa. Thế sở tri chướng thuộc về tánh nào, đều nên chẳng phải nhiệm ư? Đáp: Có thể đoạn chủng khinh trọng chẳng chướng để gọi là Vô phú. Hai thứ vô tánh đều trọng cùng chướng Thánh đạo của ba Thừa đều gọi là Phú. Nếu chỉ thủ phân biệt chủng gọi là Dị sinh, tức một cõi thành ba cõi, nên gọi là ba cõi Dị sinh. Nếu thủ sinh hiện hành chủng, tức đã lia dục nên gọi là các cõi Dị sinh. Thủ cùng tánh đồng địa Dị sinh của Thức thứ tám, thế đó tức được.

Đồng phân lược dùng mười môn phân biệt:

1. Giải thích tên gọi (như số, Quyết Trạch 52 ghi: Do các phần kia hỗ tương tự tánh, gọi là Chúng đồng phân. Ý đây thì hiển chúng là các phần kia nhiều chẳng phải một nghĩa. Phần nghĩa là loại. Đồng nghĩa là tương tự, tức nhiều loại đồng phân tương tự gọi là Chúng đồng phân).

2. Sở y của hiện hành chủng tử (vạn hỏi đều thông, mạng căn nương đó mà lập, nên đây đều thông, như Đối Pháp giải thích).

3. Đăng lưu Dị thực v.v... (tất cả đều thông, quyển 52 nêu các vị như âm thanh v.v... nên chung cả ba).

4. Sở y ba tánh (đều chung, quyển 52 ghi: các loại như tà kiến v.v... chư Phật cũng đồng vậy).

5. Nội ngoại sở y (các luận chỉ có nội, trong đây vạn hỏi kể khác, nên đều chung cùng ngoại).



6. Hệ chẳng phải hệ y (đều thông).
7. Tổng biệt sở y (Hữu lậu vị Vô lậu vị đều thông biệt tổng).
8. Sở y của kiến sở đoạn v.v...
9. Sở y của học v.v...
10. Chung riêng được xả.

Đã thông nhân pháp, tùy ứng xả đắc, chuẩn cứ theo Tiểu thừa nói. Nay dùng lý lập, có chỉ một đắc chẳng xả, nghĩa là báo thân Phật, có chỉ một xả chẳng đắc, nghĩa là vào tâm vị vô dư. Có trọn định đắc xả, nghĩa là hữu tình không tánh chết đây sinh kia. Có định chẳng xả đắc, nghĩa là vô vi v.v...

Hỏi: Tướng Hữu vi lấy giả lập đồng phần, tướng trạch diệt tợ thừa nhận giả lập ư?

Đáp: Không như vậy. Hữu vi thể dụng tương tợ có đồng phần trạch diệt, không thể lại không dụng nên chẳng lập đồng phần. Chân như là một, vì không tương tợ, chẳng nói đồng phần.

Bốn chánh đoạn là:

1. Luật nghi đoạn, nghĩa là ác pháp đã sinh muốn khiến nó đoạn nên khuyên gắng.
2. Đoạn đoạn, ác pháp chưa sinh, khiến chẳng sinh.
3. Tu tập đoạn, thiện pháp chưa sinh, khiến cho nó sinh.
4. Phòng hộ đoạn.

Thiện pháp đã sinh là muốn khiến nó trụ nên khuyên gắng, đều tức tinh tấn khuyên phát. Tuệ tự có thể dần phục hoặc, từ quả đặt tên nên gọi là chánh đoạn.

Mạng căn, dùng năm môn phân biệt:

1. Thể.
2. Danh.
3. Dị thực phi Dị thực v.v...
4. Hữu lậu Vô lậu v.v...
5. Hỏi đáp phân biệt.

Hỏi: Mạng căn nếu chỉ là chủng tử, tại sao hiện hành chủng tử của tám căn trong địa ngục đều định thành thực?

Đáp: Lại, bảy căn có hiện chủng, mạng căn chỉ chủng, thông luận tám pháp, nên gọi là hiện chủng chẳng phải mạng căn có hiện hành. Lại, tám căn đây định hẳn thành thực, giả sử có chủng tử hiện hành đều định thành đó, chẳng phải nói mạng căn cũng có hiện hành. Lại, vì sở trì sáu xứ làm hiện, đó có gì lỗi ư? Đây do công năng nghiệp dẫn sai biệt, gọi là mạng căn. Phật do nguyện lực khiến chủng tử sinh hiện hành

cùng với phần hạn của sắc tâm v.v... gọi là mạng căn.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhập không tâm có tế tâm, nhàm chán sắc nhập Vô sắc có tế sắc, nhàm chán thân nhập không thân có tế thân không?

Đáp: Nếu nhàm chán thô thân cũng có tế thân, như thân Phật. Thô tế đều nhàm chán chẳng được có thân, so với tâm khác.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhập vô tâm. Hai định gọi là vô tâm. Nhàm chán thứ nhất nhập thứ hai. Nhị thiền gọi là vô tâm ư?

Đáp: Nhàm chán tâm gồm nhàm chán sáu: Hai định gọi là vô tâm. Nhàm chán dưới chẳng phải tâm trên. Định trên chẳng phải vô tâm.

Hỏi: Nhàm chán sắc vào Vô sắc, tuy có tế sắc gọi là Vô sắc, nhàm chán dưới lên định trên, định trên gọi là vô tâm ư?

Đáp: Nghiệp sắc thượng địa không, tuy có tế sắc, gọi là vô tâm. Báo tâm thượng địa có, chẳng được gọi là vô tâm.

Hỏi: Tâm chủng phòng ngại ở tâm. Định thể chẳng phải tâm sắc, sắc chủng phòng ngại ở sắc, giới thể chẳng phải sắc tâm ư?

Đáp: Chỗ phòng ngại tánh là sắc, năng phòng ngại cũng là sắc thâm nhiếp.

Hỏi: Sở nhàm chán đã là tâm, năng nhàm chán nên là tâm nhiếp ư?

Đáp: Chỗ phòng ngại, chỗ phát đều là sắc, năng phòng ngại ở sắc cũng gọi là sắc. Chỗ nhàm chán tuy tâm không chỗ phát, năng phòng ngại ở tâm chẳng phải tâm sắc.

Hỏi: Tán sắc có thể vậy, Định đạo cộng giới không chỗ phát, sao có thể gọi là sắc. Ở trong vạn hỏi đây có thể gắng tư duy chọn lựa ư?

Đáp: Nhàm chán tâm nhàm chán tất cả, năng nhàm chán chẳng phải sắc tâm, phòng ngại sắc chỉ phòng ác, năng phòng ngại cũng gọi là sắc.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhàm chán tất cả, năng nhàm chán chỉ tâm chủng, phòng ngại sắc chỉ phòng ác, năng phòng ngại nên hiện hành ư?

Đáp: Thông với hữu.

-----

## QUYỂN 2

Thượng tọa bộ lập hai tướng. Hóa địa bộ lập ba tướng:

1. Sát-na diệt uẩn, tất cả sắc tâm.
2. Một thời kỳ uẩn, nghĩa là thọ mạng. Cả hai phần này biện về tướng.
3. Cùng sinh tử uẩn, tuy riêng có pháp mà chẳng phải ở tướng.

Chánh lượng bộ lập bốn tướng, sắc pháp một kỳ hạn nhiều thời sinh diệt, tâm tâm sở pháp, ngọn đèn, tiếng linh từng sát-na sinh diệt. Động v.v... thời gian dài, đại địa trải qua kiếp trụ. Luận sư Kinh bộ dường như thuận Tát-bà-đa, nên luận Câu-xá quyển 4 ghi: “Ý kia sinh dụng ở vị lai, ba tướng dụng hiện tại”, nhưng là giả lập, chẳng phải là vốn chấp. Tướng sở chấp của sư kinh bộ đó vốn cùng Đại thừa đồng đời. Các Luận sư Nhất thiết hữu xưa trước sinh tại vị lai, hiện tại một sát-na, ba tướng thời gian riêng biệt. Vị đầu tiên gọi là trụ, đây quả năng thủ có lực thù thắng. Dị và Diệt thì không thể, vì lực nó yếu kém. Trụ vị trở về sau khiến pháp suy kém, gọi là Dị vị. Dị vị trở về sau khiến pháp sau dụng không có, gọi đó là diệt. Nếu Luận sư Chánh Lý, sinh tại vị lai, ba thứ trụ dị diệt đồng một thời dụng, sinh khiến pháp sắc có dụng. Trụ khéo khiến pháp lấy ngay quả khởi, tức thời của trụ, Dị khéo khiến pháp sau chẳng kịp trở về trước, yếu kém so với trước. Pháp Hữu vi thế lực suy kém chẳng bằng trước, mà hoặc có thời pháp tăng trưởng là do các duyên khác đến khiến sinh, như vậy chẳng phải pháp tánh gốc. Pháp tánh gốc yếu, hẳn suy khác. Thời tăng trưởng đó dị nhưng thể tại tánh khiến pháp yếu. Diệt tức ở thời trụ khởi dụng khiến dụng đến sau niệm không. Nếu kinh chỉ nói có hai tướng, Luận sư Nhất thiết hữu nói: Nên tướng trước và sau vì lược khoảng giữa, sinh chuyển khiến pháp có dụng, thời của có dụng ở hiện tại, thời vị lai sinh pháp chưa có dụng. Diệt nhân sinh khiến pháp sắp vô dụng. Trong sát-na sau chánh vô dụng. Trụ tuy có pháp chẳng bằng ở sinh. Dị tuy suy pháp, chẳng bằng ở diệt, cho nên lược trụ và dị, chỉ nói ở sinh diệt. Luận sư Chánh Lý nói: Đây hiển hai thời khởi dụng, vị lai khởi sinh công năng, khiến pháp vào hiện tại. Hiện tại có diệt thời, khiến pháp vào quá khứ. Dụng của Trụ và Dị cùng diệt đồng thời. Thời chẳng dị, do đó chẳng nói. Sinh diệt mới là có dụng, mới đầu của không dụng, chẳng nói sinh và trụ dị là hai dụng v.v...

Thứ ba, phá trong bốn tướng có hai đoạn: Trước tổng nêu các lỗi, sau phá riêng. Trong phá riêng có bảy:

1. Vận hỏi sáu chuyển không sai.
2. Vận hỏi năng sở chẳng khác.

Cả hai đều có tông, tỷ lượng trái nhau, lỗi bất định. Nghĩa là mới đầu, họ lập lượng: Ba tướng Hữu vi khác chỗ tướng pháp định biệt có thể, nói thuộc chủ, như y phục của ĐỀ-bà-đạt-đa. Sau, Tỷ lượng là: Ba tướng Hữu vi, pháp khác sở tướng là năng tướng vậy, như tướng khói v.v... nên đều có hai lỗi.

Thứ nhất, vận hỏi Tỷ lượng trái nhau. Danh, cú, văn của người chẳng thật năng thuyên, thừa nhận khác tiếng vậy như sắc, hương v.v...;

Thứ hai, kết quy thanh thuyên.

Thứ ba, ngoại đạo chống chế rằng: Tiếng trên chẳng phải tên gọi của khác tiếng. Lập lượng là: Tiếng trên gãy khúc, định khác sở y thật có. Sắc uẩn trên gãy khúc vậy, như dài ngắn v.v.... Hai, nếu lấy dài v.v... của Đại thừa làm dụ, trong đồng dụ không lỗi sở lập, dài v.v... của Đại thừa chẳng phải khác sở y thật có thể. Ba, nếu lấy tự dài v.v... làm dụ, trong nhân có lỗi pháp kia sai biệt trái nhau. Trong sở y khác thật có, sở y khác biệt xứ thật có, sở y khác đồng xứ thật có v.v... là pháp sai biệt. Lập lượng là: Tiếng trên gãy khúc, định chẳng khác sở y Biệt xứ thật có trên sắc uẩn gãy khúc vậy, như dài ngắn v.v... hoặc văn tự v.v... xứ nhiếp chẳng riêng. Nên biết danh v.v... thật là vô dụng.

Thứ tư, ngoại đạo vận hỏi: Trong tiếng gãy khúc, chẳng năng thuyên biểu, vì tiếng gãy khúc, như tiếng đàn sáo, luận chủ vì làm hữu pháp sai biệt trái nhau. Trong tiếng gãy khúc năng sinh danh chẳng năng sinh danh, là hữu pháp sai biệt. Lập lượng là: Trong tiếng ông gãy khúc, chẳng năng sinh danh, tiếng gãy khúc vậy, như tiếng đàn sáo. Đây là vận hỏi y cứ tông khác.

Lại ai nói kia v.v... bày nghĩa tự tông, sợ trái tỷ lượng. Lập lượng là: Tiếng đàn sáo gãy khúc v.v... năng thuyên biểu. Có nhân nhận gãy khúc của tiếng lớn vậy, như tự thừa nhận tiếng bên trong kia lập lượng: Đại thừa tiếng chuông gió v.v... nên có thuyên dụng. Tiếng nhiếp như tiếng bên trong nói v.v... hoặc tiếng bên trong chẳng năng thuyên, tiếng nhiếp. Như chuông gió v.v... Tiếp theo nói: Lấy ngay lý đuổi theo, như chuông gió kia chẳng sinh danh v.v... Tiếng chuông gió của ta v.v... cũng chẳng năng thuyên. Lập lượng là: Tiếng chuông gió của ông v.v... nên sinh danh, tiếng nhiếp vậy, như tiếng bên trong nói.

Thứ năm, tiếng tranh cãi và thanh tức khác.

Thiên ái, tiếng Phạm là Một-kiếp, Hán dịch là ngu. Ngu có ba

tên:

1. Đề-bà, Hán dịch là Thiên.

2. Nật-phước, Hán dịch là quang minh.

3. Bát-thích-xà-bát-đề, Hán dịch là Hóa chủ, Bát-thích-xà là sinh, Bát-đề là chủ, xưa gọi là Thế chủ.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề gọi là Đại sinh chủ, đây tức là Phạm vương. Ưu thắng của thế gian không gì hơn trời, yếu kém của thế gian, không gì hơn ngu, gọi ngu là trời điều đó nên vậy, gọi nô là lang quân v.v... Quang minh nghĩa là chiếu liểu, người ngu si ám điều gọi là quang minh, như gọi người bần là vật giàu có của cải, cũng như gọi người dốt là vật thông minh, Phạm vương thế gian đều chấp là cha, giống như họ sinh ra chỉ biết ngồi thẳng. Tuy năng sinh tất cả, đều không động tác, người ngu si dụ cho họ, tuy bị sai sử, trăm thứ đều làm, đều không chỗ biết, không nhận biết riêng chút ít, yếu kém từ ưu thắng mà gọi là sinh chủ, kẻ ngu si đây thật đáng thương nên gọi là Thiên ái, các nghĩa khác đồng thường.

Hỏi: Chữ là danh cú y cứ mà không nêu bày, Đại thừa lìa tiếng không có tự thể, sao gọi là chữ?

Đáp: Phương này chỉ có một tên gọi chữ, chữ đó khó hiểu, ở phương kia phần nhiều không có tên gọi một chữ, như nói chữ “sát”, có ba chữ hợp lại đó là Sa, sát, đa ba chữ hợp lại mới thành một chữ sát. Chữ “úm” như nói âm “ổ”, chữ không thuyên biểu, cho nên tuy giả lập cũng có chữ chuyển danh, cú, văn thân. Văn thân khác danh thân. Văn là hiển rõ nghĩa, vì hiển rõ hai phần kia, lại gọi là hiển, đây là sở y hiển nghĩa kia. Lại, danh tự không khác chuyển, như chữ bao, ế v.v... như trong số giải thích tên gọi khác v.v... Danh thân, danh nghĩa là gọi vời, danh nhờ đó mà gọi tên. Cú, tiếng Phạm là Bát-đà, như trong số giải thích gọi là Dấu vết.

Một là danh nghĩa là danh thân v.v... đều là Y sĩ thích. Thân là hai tổng, danh là một biệt. Thân của biệt danh gọi là danh thân. Hai danh tích tập gọi là thân, nên thân của nhiều danh cũng lại như vậy, vì một danh chẳng phải thân, chẳng phải Trì nghiệp thích, nhưng ba thứ đây, chẳng đơn gọi là danh, lại chẳng gọi là nhiều danh thân. Chỉ căn cứ danh thân v.v... là trong lời nói nhiếp cả hẹp rộng, nói đơn danh thân, tạm dùng hẹp nói, nhiều tức là rộng.

Hai là biện về sự sai biệt, trong luận ghi: “Danh thuyên tự tướng v.v...” Quyển 52 ghi: “Sở y của danh, cú lẽ ra là chữ, ở tất cả chỗ biết, chỗ thuyên sự”. Tướng cực hẹp là chữ, nếu vừa là danh, nếu rộng là cú.

Nếu chỉ y văn thấu rõ âm vận, chẳng khéo thấu rõ chỗ có nghĩa sự, nếu y chỉ danh, lại khéo thấu rõ tự tánh pháp kia, cũng rõ âm vận, chẳng khéo thấu rõ chỗ pháp giản trạch sâu rộng sai biệt. Nếu y với câu chung thì tất cả khéo rõ, Đối pháp cũng đồng. Luận Hiển Dương quyển 12 ghi: “Có chữ chẳng phải danh, nghĩa là một chữ. Có danh chẳng phải câu, nghĩa là một chữ danh”. Câu hẳn có danh, danh hẳn có chữ nên thành sai biệt, nếu năng hiển gọi là hiển, tại sao danh cú chẳng gọi là hiển? Vì chẳng phải gốc, nghĩa là biện tự thể của câu, thuyên do văn thân hiển. Như uống ăn có vị do mặn mới hiển đó. Ba cõi phân biệt, danh có hai thứ: một, ngôn thuyết, trong đây là phải, dùng tiếng làm thể, chỉ hai Địa trời buộc, vì tức tiếng nói. Hành của phát âm, chỉ có hai Địa. Đây tùy tiếng trời buộc. Hai thức địa trên không, Vô lậu tức nói có, ngôn ngữ trong Sơ định có, sao phòng ngại Định thứ hai có? Lại, trong luận ghi: Hiển nhiều do nó khởi, chẳng phải nói nó tương ứng. Năm thức đã vậy, ngôn ngữ lẽ ra cũng vậy. Vô lậu địa trên nói có, ngôn ngữ Hữu lậu là y địa trên ý phát cũng không lỗi, như dẫn năm thức tìm ngôn thuyết. Định tự tại sở sinh tiếng Vô sắc;

3. Cõi khởi ngôn thuyết cũng có lỗi gì? Hữu lậu ngôn ngữ hẳn thô, tại sao Địa trên khởi mà vô tầm tứ;

4. Hữu lậu, Vô lậu tức rõ ba tánh, chỉ hai tánh thủ cảnh gọi là thông ba cõi;

5. Giải thích phòng ngại vận hỏi, tại sao bốn uẩn cũng gọi là danh? Vì cảnh năng thủ nên tương tự như danh. Thể tướng chẳng phải hiển, vì nhờ danh mà hiển, danh tại tự này, y danh hành cảnh. Quyển 56 ghi: “Thuận thú các thứ nghĩa cảnh sở duyên, đồng giải thích thứ nhất, hoặc ngôn thuyết gọi là cảnh sở duyên của các thứ phân biệt, đồng giải thích thứ tư, gọi là một danh”.

Hỏi: Vì sao hai danh trở lên mới gọi là thân? Một danh chẳng phải thân. Trong đây ba thứ đều gọi là thân v.v.... Danh và danh thân, nhiều danh thân chẳng vượt ngoài danh thân. Lại nữa trong ba thứ đó, hai danh thì gọi là thân, như nhiều danh thân danh thân, luận nói chỉ có hai thứ, tại sao gọi là nhiều?

Đáp: Thân tuy có hai, nhưng danh có nhiều. Thân của nhiều danh gọi là nhiều danh thân, chẳng phải danh của nhiều thân. Hoặc cách vượt gọi là nhiều, vì thân cũng có nhiều.

Đoạn hỏi vì sao chẳng lập bài tụng v.v... như trong sơ giải thích.

Mười bốn Bất tương ứng, đây tuy nói phi đặc, các luận phần nhiều nói Dị sinh tánh. Nay y lý Cộng hữu tạm nói mười bốn thứ. Dùng mười

môn để phân biệt:

1. Nguyên do của có.
2. Phế lập.
3. Tụ y xứ.
4. Hiện hành chủng tử y.
5. Hữu lậu vô lậu.
6. Ba tánh.
7. Kiến đoạn v.v...
8. Năm vị.
9. Lỗi của giới trói buộc.
10. Chín địa.

Nhưng y cứ Đối pháp thì có hai mươi ba, trừ Bất hòa hợp, tuy nói có nhưng không giải thích riêng. Luận Du-già quyển 3, 56; Luận Hiển Dương quyển 1, Luận Bách Pháp v.v... lập hai mươi bốn, luận Ngũ Uẩn và luận đây lập mười bốn. Luận Hiển Dương ghi: “Lại có các chỗ khác chủng loại sai biệt như vậy nên biết, mỗi mỗi y một nghĩa để lập, thật có thể nói nhiều:

1. Nói nguyên do của sự có đó thuộc chủ ngôn luận v.v... , như luận Hiển Dương quyển 18 giải thích.

2. Phế lập tức văn trước.
3. Biện về tụ pháp y xứ.

Y xứ có ba: một là tâm, hai là tâm sở, ba là sắc. Vì có biệt y có tổng y, có một loại chỉ y tâm chủng, đó là mạng căn, chính là thuộc về đây. Cả ba chỉ nương sắc lập, đó là danh, cú, văn thân, tạm y cõi đây chẳng phải cõi Phật khác; bốn, hai pháp tâm, tâm sở lập, đó là hai định không tâm và quả Dị sinh tánh. Sáu, y ba pháp đó là đắc, chúng đồng phần, bốn tướng, thông y ba chủng lập, quyển 64 ghi: “Y gọi là phân lập định vô tướng, diệt tận v.v... chỉ y tâm, tâm sở.

4. Biện về hiện hành, chủng tử y. Chỉ y chủng, đó là mạng căn. Hai là định vô tâm và quả Dị sinh tánh. Ba là chỉ y hiện, đó là danh, cú, văn. Sáu là chung cả chủng tử hiện hành, đó là đắc v.v...

5. Hữu lậu Vô lậu: một chỉ có Vô lậu, đó là diệt định. Ba chỉ có Hữu lậu, đó là vô tướng định và quả Dị sinh tánh. Mười thông hai thứ, đó là: Đắc, đồng phần, mạng căn, danh, cú, văn, bốn tướng, Phật v.v... đều có vậy.

6. Biện về ba tánh, nay bốn chỉ có một tánh, hai chỉ có thiện, đó là vô tướng, diệt định. Hai chỉ có Vô ký, đó là Dị sinh tánh, vô tướng Dị thực chỉ vô phú. Bốn thông hai tánh đó là danh, cú, văn, mạng căn, bốn

nhân chỉ vô phú Vô ký, quả chỉ là thiện. Sáu thông ba tánh, đó là đắc, đồng phần, bốn tướng.

7. Biện về kiến đoạn v.v... có ba, một chỉ có kiến đoạn, đó là Di sinh tánh, một chỉ có chẳng đoạn, đó là diệt định, hai thông kiến đoạn tu đoạn, đó là vô tướng định và quả. Quyển 53 ghi: “Chỉ kiến sở đoạn chẳng sinh”. Quyển 57 ghi: “Thiện pháp tu sở đoạn, đoạn duyên phược vậy”. Mười bốn thứ khác thông kiến đoạn, tu đoạn và chẳng đoạn.

8. Năm vị đó là kiến, tu v.v... Hai chỉ có tư lương, đó là vô tướng định và quả. Tâm thứ sáu trong Thập Trụ mới chẳng thoái lui, tức kinh Ưu-bà-tắc Giới nói Xá-lợi-phất qua sáu muôn kiếp Tu đạo còn thoái lui, nên trở về trước còn chẳng khởi. Luận Du-già ghi: “Chẳng phải chỗ Thánh vào”. Lại, thứ bảy trong Thập Trụ gọi là tâm chẳng thoái lui, về sau lại chẳng thể khởi. Một chỉ có hai vị, đó là Di sinh tánh tại một và hai, một chỉ có hai vị khởi, đó là diệt định, chẳng phải một ba. Nếu xoay tâm có thể. Ba chỉ có bốn vị, trừ Kiến đạo, nghĩa là danh, cú, văn. Bảy thông năm vị, đó là đắc, đồng phần, mạng căn, bốn tướng,

9. Giới trói buộc. Hai chỉ có một cõi, đó là vô tướng định và quả. Ba thông hai giới và phi giới, đó là danh, cú, văn. Một thông ba cõi, đó là di sinh tánh. Một chẳng phải ba cõi, đó là diệt định. Bảy thông ba cõi và chẳng phải trói buộc đó là đắc, đồng phần, mạng căn và bốn tướng. Mạng căn, quyển 57 nói chẳng thông Vô lậu, vì chẳng nói Phật.

10. Chín địa, ba chỉ có một địa, đó là hai định không tâm và quả. Ba thông hai địa đó là danh v.v... Ba, hoặc năm Địa, tám địa, chín Địa, đó là Di sinh tánh và bảy thứ khác.

Riêng dùng lượng phá trong ba Vô vi có hai: Trước thẩm định hỏi, sau tùy hai vắn hỏi. Trong vắn hỏi có hai: Trước vắn hỏi một, sau vắn hỏi nhiều. Trong vắn hỏi một có ba: một tổng nêu một thể khắp tất cả xứ, hai riêng vắn hỏi đó và ba nêu ra nhân kia chấp thể kia hai, lý lẽ ra như vậy. Trong riêng vắn hỏi phân làm ba, là ba Vô vi. Trong hư không có bốn: một thể nên thành nhiều, hai nên hỗ tương khắp cùng, ba nên chẳng phải dung thọ, bốn có nên lẫn lộn. Có đồng xứ chẳng lia sắc là lỗi bất định, là như sắc xứ, xứ không riêng biệt. Hư không tức sắc xứ, là như hương xứ v.v... không riêng biệt nên không chẳng phải sắc xứ.

Thừa nhận không nhân quả là trong Đại thừa Vô vi là quả lia hệ trong mười nhân: Quán đái, nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự, nhân không trái nhau. Đắc là quán đái, nhiếp thọ, đồng sự, trái nhau, nhân không trái nhau. Năng đắc quả tăng thượng, nay căn cứ tông khác, lại là đồng phẩm cũng không có lỗi, vì định có tánh.



Thuật về tự tông, trong Vô vi có hai, trước tổng nêu kinh nói, nêu số làm rõ, sau tùy liệt bày. Trong đoạn sau có hai giải thích, vì hai riêng biệt. Trong đoạn trước có hai: một hiển bày ý thức biến, hai là giải thích chữ “thường”. Trong y pháp tánh có năm: một, là nêu y pháp tánh; hai là hiển thể pháp tánh; ba là hiển nghĩa y; bốn là kết y giả; năm là giải thích các tên gọi. Môn phước lập nên lập một, đó là Chân như, ngoài ra chẳng phải thật. Lại có thể lập hai, thuận thế gian lập hai đó là không, chẳng phải chọn lựa. Chân như lập một hoặc nên lập ba. Chân là một, tùy chương đoạn là một, thuận thế gian là một, nay thuận thế gian lập hai, tùy chương đoạn lập ba, Chân lập một, tùy chỗ thích ứng mà nói riêng khai hợp.

Vô vi, dùng năm môn phân biệt:

1. Các giáo tăng giảm, hoặc nói ba, bốn, sáu, tám v.v...
2. Nêu thể.
3. Ba tánh phân biệt, thừa nhận ba tánh thức biến vậy, hai sở chấp v.v... ba tánh. Quyển 8 nói thông ba. Thứ hai đây chỉ nói hai tánh.
4. Đế nhiếp: gồm An lập chẳng phải an lập đế, chân đế tục đế, ba đế, bốn đế.
5. Giải thích vận hồi.

Trong đó có năm môn:

1. Một nhiều, tùy tâm nói nhiều, đứng về thể chỉ có một.
2. Nhân nào nhiếp, mười nhân, sáu nhân nên tư duy. Trong sáu nhân, chỉ năng tác nhân, ngoài ra đều là Hữu vi, mười nhân thông cả năm: một là Quán đái nhân; hai là Nhiếp thọ nhân, cảnh giới y xứ; ba là Đồng sự nhân, đồng là sinh v.v... một sự nghiệp; bốn là Bất tương vi nhân, khiến Thánh đạo sinh; năm là Tương vi nhân cùng ngại pháp sinh pháp nhiệm ô trái nhau, nên nói là diệt, tánh lìa chương v.v.... năm quả nhiếp nhiếp gì? Trạch nghĩa là ly hệ, hư không, phi trạch nhiếp quả tăng thượng.
3. Phàm thánh đắc, hư không chẳng phải trạch thông Thánh phàm đắc, tướng thọ diệt, trạch diệt Chân như. Định chỉ Thánh và đắc, chẳng động hai thuyết.

4. Phục đoạn chương đắc, tướng thọ diệt thông cả phục và đoạn như thường. Vì sao trạch diệt chẳng phải phục đắc? Vì đã chẳng phải hại, tùy miên.

Bất động có hai giải thích:

Một là Nội đạo đắc chỉ đoạn đắc, ngoại đạo phục đắc, chấp là Niết-bàn, diệt tâm tâm sở. Nội đạo không như vậy. Lại giải thích, nội

đạo cũng phục đắc, như tướng thọ phục đắc. Đây phục Tam thiên trở xuống, chẳng đắc phục Dục giới rồi hai tánh phiền não tăng mạnh vậy, như chẳng phục đắc Tam thiên trở xuống chương đắc tướng thọ diệt, đã biến khác thọ mạnh. Theo lý mà luận bàn, đã có phục Tam thiên trở xuống, hoặc được bất động, tức người ấy phục Tứ thiên trên được hưởng thọ, đây có lỗi gì.

Hai là Thọ mạnh nên luận chẳng thừa nhận đó. Nếu vậy, lại nên phục Dục giới chương được chẳng động diệt. Đã thừa nhận hai tánh chương khiến chẳng được phục được chẳng động. Tam thiên trở xuống chẳng chương phục, chẳng năng được, thọ tướng lỗi gì.

5. Hỏi đáp:

Vì sao trạch diệt ba cõi chỉ lập một. Định chương riêng mở hai?

Đáp: Vì biến dị, chẳng biến dị cùng hiển ở phiền não.

Hỏi: Vì sao phục hoặc được phi trạch, cũng phục phiền não diệt, cũng được phục định chương, tại sao chẳng phân làm hai mà chỉ phân hai và tùy miên?

Đáp: Định chương thông ở sự quán đoạn, cũng có phục đắc, nghĩa là phiền não cần chỉ lý quán trừ nên không phục đắc. Giả sử có Dị sinh đắc định, phục phiền não cũng gọi là định chương, vì vốn cầu định mà chưa cầu lý. Thắng đắc là ẩn mà khó biết, nên phân biệt nói khiến dễ thể nhập. Phạm đắc là có thể đoạn, lại phạm đắc dễ mà cùng hiển, sao lại phải khai mở trong pháp chấp.

Hỏi: Thứ bảy ảnh tượng nhiếp tướng về kiến có thể gọi là Hữu phú, nhiếp ảnh về chất có thể gọi là Vô phú, thì lẽ ra nhiếp tướng về kiến gọi là phân biệt, nhiếp ảnh về chất được gọi là Dị thực?

Đáp: Chẳng lìa kiến nên tánh loại có thể đồng, chẳng phải là năng duyên nên chẳng gọi là phân biệt. Thác chất vừa mới khởi có thể từ Vô phú, chẳng phải nghiệp quả nên chẳng từ Dị thực.

Hỏi: Chẳng phải là năng duyên, chẳng từ phân biệt, hữu phú lẽ ra phải vậy, chẳng phải là nghiệp quả chẳng từ Dị thực, Vô phú nên như vậy ư?

Đáp: Tánh thông nhiều pháp, hai tánh có thể từ kiến, quả nghĩa hạn cuộc chẳng từ phân biệt và gọi là Dị thực. Hai pháp chấp đây thô nên dễ đoạn. Lúc vào Sơ địa cho đến trừ diệt. Phần đầu có bốn thứ:

1. Địa vị, ban đầu tại Sơ địa đoạn chẳng phải các Địa khác.

2. Thánh đạo, ban đầu trong đó chỉ có Kiến chẳng phải Tu vậy.

3. Chân tướng, ban đầu tại chân Kiến đạo chẳng phải tướng Kiến đạo vậy.

4. Bốn đạo, ban đầu lại Vô gián đạo chẳng phải Giải thoát đạo.

Đây y cứ một tâm Kiến đạo, chẳng phải đoạn thô trọng giải thích. Tại bốn loại đây, ban đầu đoạn phân phá riêngg chấp. Nếu Giải thoát đạo đoạn thô trọng, ba tâm Kiến đạo v.v... tùy nghĩa nên nói, mê cạn hẳn sâu, nhân chấp hẳn pháp. Giải thích cạn chẳng phải sâu, nhân không chẳng phải pháp, ngộ sâu hẳn cạn, pháp không có nhân, mê sâu cũng cạn, pháp nhân đều khởi, nhưng nhân hẳn thường nhất. Hữu pháp chẳng kẹt nhân, nhân dụng hẳn kẹt thể, nhân chấp nhất định có pháp.

Duyên dụng hẳn y cứ thật có thể nghĩa là đây căn cứ Chánh Lý. Ngoại đạo, Tiểu thừa chấp trước, thể không gì chẳng được thành duyên, có nghĩa sở duyên. Quyển trước đã nói thừa nhận Tát-bà-đa v.v... vì có cực vi, thành nghĩa duyên mà không có sở duyên. Căn cứ tha tỷ lượng, chẳng phải chỗ tự thừa nhận, nay thuật về chánh nghĩa nên chẳng trái nhau. Đồng tụ tâm sở đồng thừa nhận duyên nhau, quyển 8 sau ghi: “Chớ thấy phần cảnh vì chẳng đồng chất”, ngăn lỗi thấy phần cảnh chẳng đồng chất, chẳng phải khiến biết năng duyên hẳn đồng là Kiến phần. Kiến phần thứ tám và Phật cùng pháp tương ứng tự thể chứng phần v.v... đồng một sở duyên, Kiến phần của tự nên chẳng trái nhau.

Hỏi: Pháp tâm, tâm sở pháp đã tự tương ứng, các Tự chứng phần đã chẳng đồng một sở duyên, sở duyên cũng chẳng tương tự, tại sao nói là tương ứng? Chứng tự chứng phần là hỏi đồng. Tự chứng là thức thể, vì sao chẳng tương ứng? Phải đủ thời v.v... y, v.v... sự, v.v... xứ v.v.... Đây khuyết xứ v.v... mỗi duyên tự thấy chẳng phải kẻ khác vậy. Nghĩa này nên tư duy.

Ngã pháp nếu không y vì sao giả nói, nghĩa là chỗ tương tự đã không nói ai là năng tự, vì năng tự giả nói không, tự của cộng pháp cũng chẳng thành, chẳng được riêng giải thích nghĩa y ở thể v.v... là giả. Thế gian và Thánh giáo, hai tự đều chẳng thành.

Trong phá Tiểu thừa chân sự có ba: Thứ nhất tổng nêu các lỗi, kế tiếp là nêu riêng, sau cùng kết y. Trong nêu riêng có ba: Thứ nhất nêu chẳng y chân chỉ y cộng tương chuyển. Tiếp theo hiển thuyên trí có công năng thù thắng cũng chẳng phải lừa đây v.v.... Sau cùng tổng bày giả nói chẳng y chân sự, nhưng giả trí thuyên hẳn y tiếng khởi v.v.... Do đây, chỉ y dưới, tổng kết giả trí sở y.

Theo luận Phật Địa quyển 6 ghi: Nếu cảnh cộng tướng hai lượng sở tri, tại sao hai tướng y hai lượng lập? Có nghĩa hai tướng tại tán tâm vị y hai tướng lập, chẳng nói định vị. Nếu tại định tâm duyên tất cả tướng, đều thuộc hiện lượng, có nghĩa định tâm chỉ duyên tự tướng.

Nhưng do cộng tướng phương tiện dẫn nên duyên các cộng tướng chỗ hiển bày lý, là căn cứ phương tiện nói. Chẳng như vậy thì gọi là biết tự tướng. Do đạo lý này, hoặc nói Chân như gọi là không, vô ngã, các pháp cộng tướng. Hoặc nói Chân như do hai Không hiển bày, chẳng phải là cộng tướng. Như thật nghĩa là, hai tướng Nhân Minh so với đây có khác chút ít. Luận kia nói trên pháp chỗ có thật nghĩa đều gọi là tự tướng, vì trên các pháp, tự tướng cộng tướng vì mỗi mỗi giá tự thể, chẳng cùng thể khác. Nếu phân biệt tâm lập một chủng loại, thì năng thuyên sở thuyên thông ở các pháp, như chỉ râu hoa gọi là cộng tướng. Đây cần tán tâm phân biệt giả lập cảnh tỷ lượng này, tất cả định tâm li phân biệt này đều gọi là hiện lượng. Tuy duyên các pháp khổ, vô thường v.v... cũng mỗi một pháp mỗi riêng có nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là do cộng tướng hiển bày, vì là các pháp tánh tự thật. Tự có tánh nên cũng chẳng phải cộng tướng, chẳng thể lấy đó so với tất cả pháp chẳng một chẳng khác tức gọi là cộng tướng. Tự tướng cũng cùng cộng tướng chẳng một chẳng khác. Cho nên luận kia nói trên các pháp chỗ có thật nghĩa đều gọi là tự tướng, nghĩa kinh chẳng như vậy nên chẳng trái nhau, cũng chẳng phải li đây có phương tiện riêng, có hai giải thích:

1. Tức dùng giả trí thuyên thi thiết tự tướng làm giả sở y, do giả trí thuyên hiển nơi pháp vậy, như ngón tay chỉ mặt trăng v.v... nếu không như vậy tại sao nói là tự tướng năng chứng đắc.

2. Giả trí thuyên cảnh chẳng được tự tướng, cũng chẳng phải li hai thứ này lại riêng có phương tiện thi thiết tự tướng có thể làm giả sở y.

Hiển hai thứ này đã chẳng được tự tướng. Li đây cũng không có phương tiện có thể được tự tướng. Ý hiển bày tự tướng trừ ngoài chứng trí thì chẳng thể có được.

Quyển 49 lập bảy Địa:

1. Chủng tánh địa.
2. Thắng giải thích địa.
3. Tịnh thắng ý lạc địa.
4. Hành chánh hạnh địa.
5. Quyết định địa.
6. Quyết định hạnh địa.
7. Đáo cứu cánh địa.

Trong quyển 47 có Chủng tánh, Thắng giải thích hạnh, Cực hỷ, Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tam tuệ Đế giác phần, Duyên khởi, Vô tướng có công dụng, Vô tướng không công dụng, cho đến Vô ngại

giải thích, Tối thượng Bồ-tát trụ, Tối cực Như Lai trụ. Chủng tánh địa tức Chủng tánh vị, Thắng giải thích hạnh địa là Thắng giải thích hạnh địa vị. Tịnh thắng ý lạc địa tức Cực hỷ trụ, Hành chánh hạnh địa tức Tăng thượng hoặc, Tăng thượng tâm, ba thứ Tăng thượng tuệ, có công dụng gia hạnh vô tướng trụ, Quyết định địa tức không gia hạnh không công dụng không tướng trụ. Có ba quyết định:

1. Chủng tánh định.
2. Phát tâm định.
3. Bất hư hành định.

Trong Địa đây, Bồ-tát rơi ở quyết định thứ ba. Quyết định hạnh địa tức Vô ngại giải thích trụ. Đáo cứu cánh địa tức Tối thượng thành mãn Bồ-tát và Như Lai trụ hợp lập.

A-lại-da đó gọi là tại bốn Địa trước, Tỳ-bá-ca gọi là thông sáu Địa rười. Trong Địa thứ bảy nhiếp Bồ-tát Địa thứ mười. A-đà-na gọi là suốt thông bảy Địa, nhưng y cứ tạp nhiễm vị, phần nhiều Dị thực thông A-lại-da. Lại mười ba trụ, thứ nhất gọi là thông chín, thứ ba gọi là thông mười ba, Dị thực gọi là gồm cả mười hai nên gọi là nhiều, y cứ sinh tử nên chỉ lấy đây. Hai giải thích này y cứ chỗ duyên bất cộng, lấy cảnh ba tánh làm sở duyên là chẳng nói hai Thừa, hai Thừa hồi thú cũng thuộc đây. Hai giải thích của sơ thông với giải thích ba Thừa. Trên đây chọn tự thể mà gọi, hẳn đó chọn chẳng gọi là tâm, do đó đồng với tên gọi A-lại-da. Tên gọi ý không bằng Thức thứ bảy nên chẳng lấy. Lại chọn thức khác, nhiều là nghĩa tương tục. Tất cả thời, hành gọi đó là nhiều, nhiều thời hành. Dị thực là nghiệp quả. Dị thực quả trong năm quả. Sáu thức tuy có Dị thực mà chẳng phải nhiều. Thức thứ bảy tuy nhiều mà chẳng phải Dị thực vậy, chỉ có tên gọi này. Lại, nhiều là nghĩa rộng, tức là tổng nghĩa. Nghĩa của Dị thực tuy thông sáu thức, chẳng phải là tổng báo chủ nên chẳng lập nhiều tên gọi. Thức thứ bảy chẳng phải nhiều chẳng phải Dị thực nên gọi là Dị thực, các thức khác chẳng gọi vậy.

Lại, Tư lượng là chọn lựa thức khác như số, lại chọn lựa tự. Tại sao đây gọi là ý? Có hai nghĩa:

1. Y chỉ gọi là ý.
2. Tư lượng gọi là ý.

Tại sao gọi tư lượng, chẳng gọi là y chỉ? Danh của y chỉ là cộng tha, nay chẳng cộng. Lại, y chỉ, danh gồm tha hiển tự. Vì năng y chỉ hiển bày sở y vậy, tên gọi của tư lượng, nghĩa tự hành tướng, vì hành hiển thể, vì duyên nhiều nên tương tục hằng khởi. Hành tướng duyên xa gọi

đó là thắm, nên dùng hành tướng tư lượng mà hiển tự tánh, chẳng gọi là y chỉ. Lại hiện chánh tư lượng gọi đó là ý. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: “Vô gián giác nghĩa là ý, tức lần lượt diệt căn”. Nay tư lượng đây là chánh tư lượng hiện hành, chọn lựa vô gián, nên gọi là hằng, hiển tư lượng đây bằng hiện tại. Lại, chọn lựa tên gọi của tự thể, tại sao chẳng gọi tâm thức, mà riêng gọi là ý? Luận Bách Pháp v.v... nói thức có tám thứ. Hữu tâm địa nói tám thức đều gọi là tâm, vì nghĩa của hằng thắm tư lượng ưu thắng hơn các tên gọi khác. Nếu hằng tập khởi gọi là tâm, chẳng bằng Thức thứ tám. Nếu liễu cảnh gọi là thức, chẳng bằng sáu thức khác, nên dùng tên gọi ý mà nêu tự thể chứ không nói là tâm thức. Do đây chọn lựa thức khác có hai nghĩa, các thức khác đây chẳng phải hằng và chẳng phải thắm, điều này như sơ giải thích. Thứ hai, tâm thức trong đây chẳng bằng Thức thứ tám, Thức thứ sáu. Hằng dụng của tư lượng tự thức ưu thắng hơn tâm thức. Chọn lựa trong tên gọi tự thể cũng có hai: một, chẳng chỉ y chỉ giải thích ý, chẳng phải nghĩa của y chỉ trong các luận hành đó gọi chung; hai, hiển thường hiện tại chẳng phải vô gián giác.

Lại, Liễu cảnh là:

1. Chỉ hành tướng Kiến phần mà hiển tự thể.
2. Chọn lựa thức khác có bốn nghĩa:
  - a. Dễ cùng biết, thuộc của trẻ con đều biết có vậy.
  - b. Cùng thừa nhận có.
  - c. Thừa cùng thừa nhận, vì ba hành tướng thô.
  - d. Sở duyên thô.

Chỉ thức thức sáu gọi là Liễu cảnh, các thức khác chẳng được gọi. Lại, tự thể có thể gọi là tâm ý. Vì sao chỉ gọi là thức, chẳng gọi là tâm ý v.v...? Vì hành tướng của Liễu cảnh thô nên dễ biết, hiển tự tánh của nó. Tâm ý chẳng như vậy, nhãn thức v.v... gọi là tâm, nghĩa khó biết. Hữu tâm địa ghi: “Tám thức đều là tâm”. Đối Pháp v.v... ghi: “Vô gián giác ý, nên chọn lựa tên gọi của tự thể nó”. Lại chọn lựa chẳng gọi Dị thực v.v..., tên gọi Dị thực v.v... tướng khó biết vậy, phần nhiều chẳng phải phần, ngoài ra những nghĩa riêng khác như Đối pháp sao và Biệt chương giải thích.

Thể tướng ngậm ẩn gọi đó là nhân, nên chỉ tại chủng. Thể dụng hiển hiện lập làm quả, gọi là kiến nên chẳng tại chủng. Nếu không như vậy, lẽ ra phải thông cả nhân quả.

Trong năng biến có tám câu, trước tiên gom chung nhân quả làm một câu, tiếp đến Đăng lưu, Dị thực mỗi mỗi riêng nhân quả làm một

câu, tiếp đến dùng hai tướng làm một câu, và sau cùng chuyển biến, biến hiện làm một câu, tổng cộng có hai mươi câu, nên suy xét. Có chỉ chuyển biến gọi biến, chẳng phải biến hiện gọi là biến, đó là tất cả chủng tử. Có chỉ biến hiện gọi là biến chẳng phải biến hiện gọi là biến, đó là nhân thứ tám và nghiệp quả hiện hành trong sáu thức, và công đức Phật, tất cả các tâm, tâm sở. Câu có đồng thời nghĩa là do bảy thức. Điều chẳng phải nghĩa là Tướng phần Dị thực chỉ là sở biến. Tất cả nhân vị có lực, vì Tướng phần là năng huân, cũng chuyển biến gọi là biến chẳng phải biến hiện gọi là biến, thuộc về câu thứ nhất. Tướng phần nghiệp quả sáu thức trong nhân đó và tất cả, Thức thứ tám, Tướng phần Phật quả, các tâm, tâm sở đều là câu thứ tư. Lại có nhân biến chẳng phải quả biến, đó là thành Phật rồi, bỏ tất cả chủng Hữu vi Vô lậu, Phật lại không hiện huân sinh, có quả biến chẳng phải nhân biến, đó là nghiệp quả trong Thức thứ tám, thứ sáu và Phật tất cả hiện tâm, tâm sở. Câu đồng thời nghĩa là do bảy Thức năng huân hiện hành và năng sinh chủng. Câu phi là tất cả Tướng phần trên Phật quả, chỉ lấy Đăng lưu làm nhân quả năng biến làm bốn câu. Hoặc chỉ nhân Đăng lưu chẳng phải quả biến. Quả của Bồ-tát Đại bi, chủng Vô lậu Pháp nhĩ chỉ có quả Đăng lưu chẳng phải nhân biến, đó là Phật quả hiện tám thức. Câu có đồng thời tức nhân thứ bảy và sáu thức Vô lậu đều do oai nghi công xảo biến hóa làm chủng của nhân. Câu phi tức Tướng phần Phật quả. Trong phần dùng Dị thực làm nhân quả năng biến làm bốn câu, chỉ có ba câu, không có câu thứ ba. Chủng tử Hữu lậu thiện ác làm câu đầu. Nghiệp quả hiện hành chủng tử của Thức thứ tám và sáu thức làm câu thứ hai, không có câu thứ ba. Câu phi thì như lý mà tư duy.

Văn tụng các khoa đều thuật riêng.

Thức thứ bảy và sáu thức chẳng phải thiện ác và tâm nghiệp quả v.v... là ở tám thức, mỗi thức làm năm câu, sau riêng nên tư duy. Chân Dị thực đủ ba nghĩa:

1. Nghiệp quả.
2. Chẳng đoạn.
3. Khấp ba cõi.

Thức thứ bảy đủ hai nghĩa sau, chẳng phải nghĩa trước. Thức thứ sáu báo tâm đủ hai nghĩa trước và sau, chẳng có nghĩa giữa. Chẳng phải báo tâm đủ một nghĩa sau, chẳng có hai nghĩa trước. Báo tâm của năm thức đủ một trước, chẳng có hai nghĩa sau. Chẳng phải báo tâm, ba nghĩa đều không, nên chỉ Thức thứ tám riêng được tên gọi đó.

Trong mười nhân, Thức thứ tám hiện hành mong các pháp năng

làm bao nhiêu nhân?

1. Quán đái.
2. Nhiếp thọ, vì tác dụng, y xứ nhiếp thọ nhau.
3. Đồng sự.
4. Bất tương vi, vì chẳng phải ngôn thuyết.

Chẳng phải nhuận, chưa nhuận sinh quả sau, chẳng phải dẫn phát, định vị, chẳng thân dẫn tha sinh, chẳng phải định phân biệt sinh, nên chẳng trái nhau. Tư duy có thể biết, chủng thức mong các pháp năng làm bao nhiêu nhân? Có thể làm Quán đái, Khiên dẫn, Sinh khởi, Nhiếp thọ, Dẫn phát, Định vị, Đồng sự, Bất tương vi hợp thành tám nhân, chỉ không có hai thứ Tùy thuyết và Tương vi.

Chuẩn cứ trong đây nói, ba tướng đều chỉ có hiện hành, vì hiện có thể thấy, chấp trì thù thắng, từ thù thắng làm tướng. Ba tướng của Thức thứ tám, Nhiếp luận quyển 2 nói lấy chủng làm nhân tướng, vì các pháp nhân duyên; hiện hành làm quả tướng, vì hai chủng sinh. Hiện hành chủng tử đều làm tự tướng, Hiện hành chủng tử đều làm tự thể. Lại, nói chỉ có hiện hành, xứ sở tàng gọi là sở tàng. Bản ý văn của bản luận như đây. Lại nói, tự tướng, nhân tướng chung giải thích hiện hành và tất cả chủng tử năng tàng, sở tàng của Thức thứ tám. Thể tự tướng thông tất cả chủng tướng ứng lại phân biệt. Nhân tướng cũng thông. Quả tướng đó chỉ là hiện hành chủng tử của Thức thứ tám, trừ chủng tử khác, vì chẳng phải Dị thực. Quyển 4 nói, ba tướng đều lấy hiện hành và tất cả chủng tử cùng chuyển thức hỗ tương làm nhân quả. Nhiếp luận ghi: “Nói các pháp do huân tập sinh”, đây từ Dị thực kia cùng chuyển thức lại hỗ tương làm duyên sinh. Quả tướng cũng thông. Lại các pháp ở tạng thức, thức ở pháp cũng vậy v.v... tại nhân đủ ba tướng. Phật quả chỉ tự tướng, nhân tướng, không có quả tướng, chẳng phải huân, chẳng phải Dị thực. Nếu chuẩn cứ bài tụng ở Nhiếp luận nói chẳng chỉ Dị thực gọi là quả tướng, chỉ từ tha sinh, gọi là quả tướng. Phật quả hiện hành có thể gọi là quả tướng, tự chủng sinh. Giải thích trước là thù thắng, mong thứ khác làm nhân quả.

Hỏi: Ba tạng khuyến một chẳng gọi là A-lại-da, ba trì khuyết một chẳng gọi là chấp trì ư?

Đáp: Vốn lấy chấp tàng giải thích tạng, khuyết một chẳng gọi là chấp trì ư?

Đáp: Vốn lấy chấp tàng giải thích tạng, khuyết đây bèn mất tên đó. Vốn mỗi mỗi lấy chấp trì gọi là trì, khuyết một cũng gọi là chấp trì. Lại, ba cảnh có sai biệt, khuyết một cảnh còn gọi là năng trì. Tạng là



dụng của sở tàng, khuyết một chẳng gọi là A-lại-da.

Hỏi: Thức thứ bảy khuyết nghĩa của một trong ba, nên chẳng gọi là Mạt-na ư?

Đáp: Nói Mạt-na, nhưng nghĩa chung có nhiễm, nghĩa riêng không còn gọi là Mạt-na, có tư lượng vậy, nghĩa là thân sinh tự quả trong bản thức. Nay chọn lựa Số luận, Số luận lớn bằng tàng trong tối thắng.

Nếu do tánh chủng tử bản thức thì cùng theo Vô ký cũng nên cùng theo một cõi trói buộc. Trói buộc là căn cứ nghĩa trói buộc. Kiến tướng trói buộc riêng, Vô ký là tánh. Tánh loại lại đồng, chẳng thể vắn hỏi vì đồng một tánh nên tương ứng chẳng phải sắc. Luận Du-già quyển 57, trong hai mươi hai căn ghi:

Hỏi: Có bao nhiêu Dị thực?

Đáp: Một là ưu, mười thiếu phần, nghĩa là tín v.v... năm, bốn thọ, ý, thông Vô lậu.

Hỏi: Không có bao nhiêu Dị thực?

Đáp: Mười một nghĩa là bảy sắc, mạng, ba Vô lậu. Mười thiếu phần, nghĩa là bốn thọ, ý, thông Vô ký. Tín v.v... năm thông Vô lậu.

Hỏi: Có bao nhiêu Dị thực trợ bạn?

Đáp: Ba sau cùng, năng trợ có pháp khả ái Dị thực, khiến chuyển rõ thạnh năng cảm quyết định Dị thực trời người.

Hỏi: Bao nhiêu là Dị thực?

Đáp: Một mạng căn, chín thiếu phần, bảy sắc, ý, xả.

Hỏi: Bao nhiêu loại có chủng tử Dị thực?

Đáp: Tất cả đều có.

Hỏi: Bao nhiêu chẳng phải Dị thực?

Đáp: Mười hai, nghĩa là tín v.v... năm, ba Vô lậu, bốn thọ, chín thiếu phần, đó là chín trước, chung với trưởng dưỡng thiện tánh v.v....

Hỏi: Bao nhiêu là Dị thực sinh?

Đáp: là tất cả những gì thuộc chủng tử vì do Dị thực sinh. Trong đây tuy có bảy câu hỏi, gồm ba môn phân biệt. Ba loại trước là một môn, tiếp theo hai loại là một môn, và hai loại sau là một môn. Câu hỏi thứ hai trong môn thứ hai, và câu hỏi thứ hai trong môn thứ ba, đúng là vắn hỏi tánh Vô ký trong chủng tử Duy thức. Hoặc làm hai môn: ba loại trước là một môn và bốn loại sau là một môn.

Chẳng phải huân khiến lớn có thể gọi là nhân duyên, nghiệp thiện ác cùng quả Dị thực làm nhân duyên là, nếu nghiệp hiện hành mong tự nghiệp chủng khiến tăng gọi là nhân, tức nghiệp chủng cũng khiến quả chủng tăng, nên gọi là nhân duyên. Nghĩa đây có thể vậy, nhưng chẳng

phải đứng lấm. Mới đầu huân tập vị đã khiến quả chủng tăng, chẳng phải về sau. Chẳng phải nghiệp chủng khiến quả chủng tăng, chỉ nên như sở giải thích. Trong đây Bồ-tát Hộ Pháp nói hiện hành mong chủng tử vốn không có nghĩa nhân duyên, chỉ là tăng trưởng. Vì sao có thể nói chủng tử hiện hành hỗ tương làm nhân duyên? Bồ-tát Hộ Pháp đã còn mới cũ, mong cái mới huân tập chính là nhân duyên, mong chủng vốn có là tăng thượng duyên, vì chẳng biện về thể.

Luận nếu vậy thì Chân như nên là giả có, đây có nhiều lỗi. Tông có tỷ lượng trái nhau, cũng có quyết định trái nhau, cũng có tự bất định. Tỷ lượng trái nhau là chủng tử nên chẳng phải nhất định giả, cùng pháp chẳng phải một hay khác, cũng như nói Chân như, là như bình v.v... cùng pháp chẳng phải một hay khác, nên chủng tử là giả. Như Chân như cùng pháp chẳng phải một hay khác, nên chủng thật có ư? Nên đây là lỗi bất định. Chủng tử dùng các môn phân biệt, như Biệt sao giải thích. Phần sau là chỉ giải thích vận hỏi thứ hai trong tân huân, giải thích phần một và bốn trước thông với văn làm chứng, thứ tư giải thích tương vi, sau cùng có ba đoạn văn làm chứng khác nhau.

Trong phá tân huân, toàn văn có năm đoạn, như sở giải thích. Thứ nhất, phá nghĩa bản tông, trong đó có ba: một, vận hỏi đạo mới đầu không có nhân; hai là vận hỏi trái nhau cùng khởi; ba là vận hỏi phạm thánh chuyển đổi.

Trong phá Phân Biệt luận có ba đoạn: Thứ nhất thuật tông, kế tiếp phá riêng và sau cùng tự giải thích. Trong phá riêng có hai đoạn: Trước vận hỏi lý Không chẳng phải nhân, sau vận hỏi khởi tâm chẳng phải tịnh. Trong vận hỏi khởi tâm chẳng phải tịnh có tám đoạn:

1. Vận hỏi tương chuyển thể thường trụ.
2. Vận hỏi hai tánh lẽ ra đồng.
3. Vận hỏi ác và thiện đồng thời.
4. Vận hỏi chẳng đồng thời chẳng phải thiện.
5. Vận hỏi ác chẳng phải nhân.
6. Vận hỏi trị chướng tánh đồng.
7. Vận hỏi phạm phụ khởi thánh.
8. Vận hỏi hiện hành chủng tử lẽ ra đồng, Đại chúng bộ v.v... không chủng tử.

Phá Phân Biệt luận mà nói thành chủng là, riêng phá các dị sư Đại thừa. Lại Kinh bộ riêng có chủng tử. Tát-bà-đa nghĩa nhân nghĩa chủng tử, nhân Hữu lậu vô lậu ở tương lai. Đại chúng so đây cũng vậy. Trong thân phạm phụ có thể sẽ sinh nghĩa nhân của Vô lậu gọi là chủng tử,

chẳng đồng Kinh bộ v.v... Lại, chẳng tương ứng Tùy miên cũng gọi là chủng tử v.v...

Thứ tư trong tương hợp tương vi có bốn đoạn:

1. Đoạn từ “trong các Thánh giáo tuy nói nội chủng” trở xuống là văn tổng hợp nội chủng trước, nhất định có huân tập và ba huân tập v.v...

2. Đoạn từ “nghe huân tập” trở xuống là văn tổng hợp Nhiếp luận trước nói nghe huân tập nghe tịnh pháp giới Đẳng lưu.

3. Đoạn từ “tánh Hữu lậu trong nghe huân tập” là tổng hợp văn Nhiếp luận trước là tánh chủng tử tâm thế gian và xuất thế gian.

4. Đoạn từ “nương chướng kiến lập chủng tánh riêng” trở xuống là văn tổng hợp luận Du-già trước nói hữu tình xưa nay chủng tánh sai biệt.

Hoặc phân làm năm đoạn, nếu làm bốn đoạn, tổng hợp văn của nhà nêu dẫn tân huân trước, nay làm năm khoa, cũng kết hợp với văn của Đối Pháp trước. “Tánh Hữu lậu trong nghe huân tập” trở xuống là văn tổng hợp Đối Pháp nói quyết trạch thiện căn khéo được kiến lập làm tánh Vô lậu và Tu đạo sở đoạn. “Đây là chánh nhân duyên vi tế ngầm ẩn vận hồi rõ” trở xuống mới hợp Nhiếp luận là xứ tánh chủng tử tâm xuất thế, nghĩa gồm hợp bên cạnh, ở lý là ưu thắng. Kinh Đa Giới trong tân huân trước tức là chứng cứ của nghĩa tân huân nhà đây, nên chẳng phải tổng hợp. Tổng hợp trong luận Du-già có hai: Trước hợp, sau vận hồi. Trong hợp có ba: Thứ nhất nêu, tiếp theo giải thích, sau cùng tổng kết. Trong vận hồi cũng có ba: Thứ nhất lập lý, tiếp theo phá chướng chế và sau cùng phân bày vận hồi.

Luận Du-già quyển 5 kiến lập nhân có bảy tướng:

1. Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường năng làm nhân của pháp, đó là làm sinh nhân, đắc nhân, thành lập nhân, thành biện nhân, tác dụng nhân, tức ngay sát-na diệt thứ nhất trong sáu nghĩa.

2. Tuy pháp vô thường làm nhân của pháp vô thường, nhưng cùng tánh khác làm nhân, cũng cùng tự tánh niệm sau làm nhân, chẳng phải tức sát-na đây, tức ngay quả đồng thời thứ hai và hằng tùy chuyển thứ ba trong sáu nghĩa. Nó cùng tánh khác làm nhân tức là chủng mong ở hiện hành gọi là tánh khác. Duyên, chẳng duyên ngại, chẳng ngại ẩn hiển v.v... các thứ khác nên gọi là tánh khác, tức quả cùng có. Nó cùng tự tánh sau làm nhân chẳng phải tức sát-na đây. Chủng tử tương sinh gọi là tự tánh, trước sau cùng sinh, tức hằng tùy chuyển. Nên Duy thức ghi: “Đây hiển chủng tử tự loại tương sinh”. Nhiếp luận, Duy thức lấy quả

thế gian riêng mở làm hai. Luận Du-già căn cứ một niệm nhân năng sinh hai quả, nhân không riêng nên hợp làm một, cũng chẳng trái nhau. Nếu các chủng tử sinh quả nên lấy thuyết trong sở huân. Đồng thân chẳng lìa nhau, tức vì người chết bảy trai tuần cầu phước, nào có người khác làm mà được tự thân thọ quả ưu thắng v.v... Lại, thân trong nẻo khác làm sao thọ quả? Có giải thích nẻo trước có tướng thiện ác khiến người chịu tội khéo phát tâm thiện. Lại, trong kinh ghi: “Phía trên địa ngục v.v... có phước đen trắng bày tướng thiện ác, khiến người tội kia phát tâm thiện. Nếu vậy thì quý, súc sinh, người, trời, không có phước đen trắng lẽ ra chẳng thọ quả. Có giải thích chỉ là thế tục kia nói, đâu hẳn được quả. Ta giết thì ta lại chạy tránh cũng là khó. Lại giải thích do người làm nguyện ưu thắng nguyện giúp khiến người chịu tội trong bảy phần được một. Lại do người chết từng có xứ phần làm việc thiện ác. Hiện tại là làm quả toại bản tâm. Có quả báo đồng nẻo có thể nhận chịu, nẻo khác thành khó. Lại không tướng nhận chịu hết, y cứ danh ngôn chủng sinh tự đồng loại. Có tướng nhận chịu hết, đó là nghiệp thiện ác được danh ngôn chủng cảm tánh khác, tiếp đến lúc khô héo, chẳng phải thiện ác chủng sinh tự thiện ác mà có khô héo.

3. Tuy cùng tánh khác và tự tánh sau làm nhân, nhưng đã sinh chưa diệt mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa sinh đã diệt, tức ngay quả cùng có và hằng tùy chuyển trong sáu nghĩa. Duy Thức ghi: “Tuy nhân và quả có cùng chẳng cùng, nhưng lúc hiện tại có thể có dụng của nhân, chưa sinh đã diệt không có tự thể”, đây là chánh hiển thế của vi nhân, chẳng phải nghĩa của chánh chủng tử. Nhân của hiện hành được các quả v.v... đều cũng vậy. Nên Nhiếp luận, Duy thức dùng thông các pháp chẳng chỉ có chủng tử. “Nhân nói năng mà nêu ra” trong quả đồng thời, luận Du-già trước đã hợp hai làm một, nên Biệt môn nói thế của vi nhân, nên chẳng trái nhau. Hiện tại, quá khứ, vị lai chẳng phải chủng tử.

4. Tuy đã sinh chưa diệt mới có thể làm nhân, nhưng được các nhân khác chứ chẳng phải không được, tức Đãi chúng duyên thứ năm trong sáu nghĩa.

5. Tuy được các duyên khác nhưng thành biến dị mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa biến dị tức là môn “không có Biệt tướng” trong sáu nghĩa, thuộc về Đãi chúng duyên. Đãi duyên có hai: một là nhân thể chẳng có thể sinh quả nên đợi các duyên; hai là đợi duyên rồi mới biến dị. Luận Du-già căn cứ thế tức có khác, mở một làm hai. Nhiếp luận, Duy thức dùng nghĩa đợi duyên v.v... hợp hai làm một, cũng chẳng

trái nhau, biến dị là nghĩa chuyển đổi.

6. Tuy thành biến dị hẳn cùng công năng tương ứng mới có thể làm nhân, chẳng phải mất công năng, tức tánh quyết định thứ tư trong sáu nghĩa.

7. Tuy cùng công năng tương ứng, nhưng hẳn tương xứng tương thuận mới có thể làm nhân, chẳng phải chẳng tương xứng tương thuận, tức dẫn tự quả trong sáu nghĩa.

Nói tóm lại, hợp quả đồng thời thứ hai và hằng tùy chuyển thứ ba trong sáu nghĩa. Nghĩa môn thứ hai, thứ ba của luận Du-già đối thuyết, mở Đãi chúng duyên thứ năm trong sáu nghĩa làm thứ tư, thứ năm trong luận Du-già. Ngoài ra, tất cả sáu và bảy không sai biệt. Xét luận Du-già sao quyển 5.

Trong Sinh dẫn nhân, luận Du-già v.v... ghi: “Chủng tử chưa đượm nhuần gọi là Khiên dẫn nhân, chủng tử đã đượm nhuần gọi là Sinh dẫn nhân. Ba tánh, mười nhân thủy đều như vậy”. Quả tuy hợp làm một, chẳng luận viển, cận chánh, tàn sinh, dẫn, chủng năng sinh đó thông nghiệp và nhân duyên, chưa đượm nhuần bỏ quả xa gọi là Dẫn nhân. Đã đượm nhuần bỏ quả gần gọi là Sinh nhân. Chánh hợp năng dẫn sở dẫn nói là Dẫn nhân, năng sinh là nghĩa Sinh nhân. Ba tánh mười nhân tức là ba nghĩa của Sinh nhân, Dẫn nhân và hai không tánh hợp thành năm giải thích. Đã có chánh, tàn làm Sinh, Dẫn; cũng có nội ngoại, quả làm Sinh và Dẫn.

Nhân quả đồng thời trong ba pháp triển chuyển, vấn hỏi: Chủng tử cũ sinh hiện hành mới là nhân quả chủng sinh. Chủng tử và hiện hành mới huân thành là nhân quả hiện khởi, nếu là chủng tử mới không có lực sinh chỉ theo hiện hành sinh, thì lẽ ra hiện hành mới lực còn kém nhỏ làm sao khởi chủng tử mới?

Đáp: Hiện hành mới duyên đều đủ, chủng tử mới lẽ ra theo đó sinh, chủng tử mới chưa gặp duyên nên chẳng thể sinh hiện hành.

Hỏi: Chỗ hiện hành mới khởi tức nói duyên đã đủ, chủng tử mới cũng mới sinh, sao chẳng gọi là duyên đủ?

Đáp: Hiện hành mới năng huân bốn nghĩa đủ, nói hiện hành gặp duyên, chủng mới chưa gặp, gia hạnh dẫn nên chẳng gọi là duyên đủ, vì cần phải do thế lực gia hạnh trước dẫn dắt, chủng tử mới sinh hiện hành.

Hỏi: Năng huân bốn nghĩa đủ, tức nói hiện hành sinh chủng tử. Chủng tử sáu nghĩa thành, nên nói có thể sinh hiện hành ư?

Đáp: Gặp và chẳng gặp duyên cả hai có khác, như trước đã giải

thích.

Quyển 66 ghi: Năm tướng gọi là chấp thọ, tướng thứ nhất có ba:

1. Chỉ sắc gọi là có chấp thọ, đây ngăn tâm, tâm sở v.v... vì chẳng phải chấp thọ.

2. Tất cả nội căn, chỗ căn nương thuộc trong sắc gọi là chấp thọ; đây ngăn ngoài, chẳng thuộc căn sắc, vì chẳng phải chấp thọ.

3. Tâm, tâm sở nhậm trì chẳng xả bỏ gọi là chấp thọ, phải biết đây ngăn quá khứ, vị lai và đời hiện tại nương thuộc căn tóc, móng v.v... và ngăn sau khi chết chỗ có thân bên trong, vì chẳng phải chấp thọ.

Chấp thọ có ba nghĩa:

1. Nghĩa sinh giác thọ, tức văn luận Đối pháp.

2. Năng sinh giác tụ loại, tức văn quyển 56.

3. Thân lãnh làm cảnh, an ách đồng nghĩa, tức văn đây và văn quyển 51 v.v....

Thứ hai, ba biến đều giải thích hạnh của thể, chỉ Năng biến thứ nhất giải thích hạnh chẳng phải thể. Đây có hai giải thích:

1. Luận đủ là chất, luận chẳng đủ là ảnh.

2. Biến thứ nhất có ba tướng, hai biến sau đều không, tự tướng tức tự thể.

Biến thứ nhất chỉ giải thích hạnh, chẳng thể lập lại bày rõ tự thể. Hai biến sau chẳng như vậy, hạnh và thể đều giải thích, giải thích đây ít năng.

Trong “đạt cảnh sở duyên không lìa thức”, nói hành tướng tương tự, tuy quyển 3 có hai hòa hợp, nhưng không phân biệt trí duyên Chân như, sở duyên chẳng tương tự, nên nói đồng nhất, văn Duy thức đây chẳng tận lý. Nếu căn cứ luận Du-già nói đồng nhất tức không có bản chất, tâm chỉ tương tự nên chẳng thể đồng nhất. Nên hợp hai văn để làm chánh lý, lấy nghiêng một thứ có thể đều sai, chẳng phải giải thích đúng, nên như lý tư duy. Hoặc hai văn nói, luận Du-già đứng về tương tự đồng nhất. Luận đây đứng về cảnh đồng nhất gọi là tương tự, vì đồng một cảnh chuyển, cũng chẳng trái nhau. Giải thích sở duyên tương tự cùng luận Du-già đồng nhất sở duyên có năm giải thích:

1. Căn cứ văn kia.

2. Căn cứ văn đây.

3. Kia đứng về bản chất, đây y cứ ảnh tượng.

4. Kia đây đều đồng.

5. Kia y cứ Vô vi có duyên bản chất, đây y cứ Hữu vi không có duyên bản chất.

Tâm phân đã đồng nên đều có chứng, lượng này chẳng định. Trong phần thứ tư tâm phân nên có năng chứng. Thứ ba cũng vậy, tại sao không có? Lập bốn phần lượng rằng: Tâm, tâm sở pháp, trong một sát-na nhất định khéo tự hiển, vì năng hiển thứ khác, như đèn, mặt trời v.v... nhân này có pháp sai biệt trái nhau. Dụ có chỗ lập chẳng thành, vì đèn không có duyên lự, tâm có duyên lự. Luận như các đèn sáng mỗi mỗi khắp tự một tướng mỗi mỗi riêng biệt. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: “Nhân thức ở hai căn như hai đèn cùng phát một ánh sáng”. Điều này làm sao thông? Đây dùng pháp tùy thuyết của Tiểu thừa làm dụ, luận kia căn cứ nghĩa thể Đại thừa làm dụ, cũng chẳng trái nhau. Như nhân cùng tiếng cộng biệt tạo. Nếu vậy, như nhiều đèn cùng xứ, ảnh nó bèn khác làm sao cùng tạo? Nay chánh giải thích là như trong một chén có nhiều tim đèn, và nhân cùng tiếng, đại chủng thân gần cùng tạo một sắc, hai chén riêng đốt chẳng cùng phát sáng nên ảnh có riêng biệt.

Sư thứ hai, trong biến ngoài xứ có ba:

1. Phá tha.
2. Bày tự.
3. Giải thích phòng ngại.

Trong phá tha có ba:

1. Vấn hỏi Thánh lễ ra biến uest.
2. Vấn hỏi phạm lễ ra biến tịnh.
3. Vấn hỏi không dụng biến sau.

Trong sư thứ ba cũng có ba:

1. Phá tha.
2. Bày tự nghĩa.
3. Giải thích phòng ngại.

Đây nói tất cả cùng thọ dụng v.v.... Trong phá có ba:

1. Vấn hỏi khí vật hoại không có nhân.
2. Vấn hỏi đã nhàm chán không có dụng.
3. Vấn hỏi có thân không có ích.

Trên đây, thiên nhãn nhĩ thấy nghe, sắc thanh dưới chẳng giá bản chất, như quyển 7 giải thích. Thứ tám được tự tướng, kiến, tướng, dị giới nhiếp. Năm thức được tự tướng, nên thừa nhận Biệt giới thâm nhiếp, chẳng thừa nhận Biệt giới làm sao gọi được tự tướng? Quyển 7 giải thích chẳng thừa nhận, nay giải thích là thừa nhận dị giới không lỗi. Trước giải thích được xứ nghĩa tự tướng, nay giải thích được sự tự tướng.

Thắng định quả sắc đại chủng tạo, như luận Đối Pháp cuối quyển 1 số, tuy có năm đoạn văn nói về tạo chẳng đồng. Nói biến thứ nhất là

đại chủng, sau tạo sắc sinh đều là đồng trí buộc, có nghĩa đây nói Dục giới, Sắc giới địa định quả sắc, vì có thân sở y. Vô Sắc giới định quả sắc từ bản chất đại chủng tạo, trong định không có đại chủng vì không có thân sở y.

Định v.v... có giới địa tự tha chẳng định là, đây có năm:

1. Định lực.
2. Thông lực.
3. Thiện pháp lực.
4. Mượn thức lực.
5. Đại nguyện lực.

Do hành đại nguyện dẫn địa sắc khác hiện tại trước, nhưng Thức thứ tám chỉ có một và hai, sau cũng thông các thứ khác, nhân tiện hiển đó, cũng không có lỗi, như Thức thứ tám Vô lậu ý dẫn định quả sắc, khiến thứ tám ở Dục giới biến, chẳng phòng ngại ở Dục giới có định quả sắc chủng, không năng dẫn biến. Như trong thứ tám duyên cảnh, trong sắc thanh xúc giả sắc duyên, duyên là pháp xứ, giả sắc tại sao chẳng duyên? Tâm nhậm vận và tám tâm sở đồng thời có phòng ngại, đây thật tùy chủng tử sinh gọi là nhân duyên biến. Đây là nghĩa chánh.

Thắng định quả sắc, lược dùng bảy môn phân biệt:

1. Phạm thánh khởi, như Đối Pháp sao, Sắc giới thông quả có thể thông phạm thánh, như văn của quyển 33. Nếu vô Sắc giới, Bồ-tát Tỳ-bát-xá-na duyên ba cõi và Vô lậu cũng có định sắc rớt xuống như mưa và hương cung điện, hẳn cần phải là Thanh văn năng biến, chẳng phải là Địa tiên nên đều không phạm thánh đều năng khởi, có dụng không dụng tức thành sai biệt, như quyển 33 giải thích.

2. Y địa, có hai môn: Một là y năng biến, hai là y sở biến. Ở trong năng biến chỉ thông bốn định, như Duy thức sơ giải thích. Định lực thông Vô sắc, Sắc giới sáu địa, Vô sắc bốn địa cũng vậy. Ngoài ra bảy phương tiện làm dụng hẹp kém, giải thích chán trên dưới không có công năng thù thắng nên không thể biến. Hoặc phương tiện mới đầu chưa đến cũng không có tướng, có nghĩa là hành tướng phi tướng nhỏ nhiệm mờ tối nên chẳng thể. Mới đầu gần phân địa cũng không thông rộng nên cũng chẳng thể. Trên đây tùy y thông Hữu lậu Vô lậu. Sở biến y là biến sắc, vô Sắc giới và cùng Vô lậu quyết định đều được, vì tùy năng biến. Ở trong Dục giới, như thân tại cõi dưới, ý dẫn định quả sắc cùng sắc loại cõi trên. Tương tự và Vô lậu là Dục giới năm thức chưa hẳn năng quán, gọi là vô kiến vô đối. Cõi dưới, chỗ Thức thứ tám duyên cũng vậy, như nhân nhĩ thông phù căn trần v.v... loại này rất nhiều. Nếu Tứ thiên có



chút ít tạo tác giáo hóa Dục giới năng dẫn thô sắc tợ Dục giới là vì khiến chúng sinh ở Dục giới thọ dụng, tức khiến năm thức và sở duyên của Thức thứ tám đều do Dục giới trói buộc, tùy lực ý lạc khởi sắc quả cũng không ngăn ngại. Quyển 33 ghi: “Thần thông của bậc Thánh biến hóa khéo khiến người thọ dụng hoàn thành mọi việc”.

3. Hữu lậu Vô lậu, sở biến của phàm phu chỉ có Hữu lậu, không thể khiến người thọ dụng, chỉ khiến kẻ khác thấy. Quyển 33 ghi: “Sở biến của bậc Thánh thông cả Hữu lậu Vô lậu. Tại nhân thì năm thức và thức thứ tám đều chỉ có Hữu lậu, vì tướng và thế lực đồng, chỉ có tánh Vô ký. Tại quả chỉ có Vô lậu thiện, vì tự tha như nhau. Thức thứ sáu biến tự tha đều thông Hữu lậu, Vô lậu, thông thiện, Vô ký, vì lợi và hý khác nhau. Nhưng vô Sắc giới và khoảng giữa, chỉ là thiện tánh không thông quả, chỉ là định cảnh, Vô ký định thì chẳng thể vậy. Bốn quả Tĩh lực tức thông Vô ký. Đây tại Địa thứ bảy trở về trước, Nhị thừa, Dị sinh, chẳng phải Địa thứ tám v.v...”

4. Đủ cảnh ít nhiều, chẳng biến căn v.v... ở trong đó, như Đối Pháp sao giải thích.

5. Đại chủng tạo tánh, như Đối Pháp sao giải thích.

6. Định chung và riêng, như Duy thức sơ giải thích.

7. Sở nhiếp của giới xứ, trong nhân ý thức là sắc sở biến của Thức thứ tám. Năm thức chẳng được định thuộc pháp xứ, vì cảnh đối căn và quả đối nhân đều là định. Căn của năng duyên đều là ý xứ, ý giới, ý thức giới, do quả thuộc nhân, vì thuộc về định pháp xứ, chứ không phải thuộc về ảnh từ chất năm trần v.v..., vì năm thức chẳng thấy; cũng được từ chất làm danh, gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v.... Nhưng có chẳng y chất mà biến, vì chẳng thuộc về ảnh từ chất. Nếu khiến năm thức được thọ dụng tức thông năm xứ bên ngoài và thuộc về pháp xứ. Pháp xứ nhiếp như đã nói ở trước. Năm cảnh nhiếp là vì cảnh đối căn, lìa nhân theo quả. Nếu cảnh ngoài năm thức là vì quả từ nhân gọi là Thắng định quả, cũng thuộc về pháp xứ. Ý thức và Thức thứ tám cùng cảnh theo nhau cũng vậy. Tại Phật quả, thật sắc sở biến của năm thức, ý thức, Thức thứ bảy và thứ tám từ năm thức nên đều gọi là năm trần, nếu không như vậy thì Phật quả mười tám giới làm sao gọi là Vô lậu? Luận Phật Địa, Duy thức rộng thành lập đó. Như tán tâm, năm trần sở biến của năm thức và Thức thứ tám đều là năm trần. Phật quả, giả sắc sở biến của ý thức, Thức thứ bảy, thứ tám như tám Thắng xứ v.v... chỉ là pháp xứ. Nếu năm thức v.v... cũng thuộc về năm cảnh ngoài, nay chỉ ở pháp xứ nói thắng định quả là do căn bản sắc ở trong nhân, phần nhiều

năm thức chẳng duyên, tự thể nhỏ nhiệm gọi là vô đối kiến. Nếu chỗ thần thông v.v... phát thừa nhận năm kiến như luận Hiển Dương quyển 1 nói Thắng định quả pháp xứ sắc. Sở tác thành tựu cũng khiến kẻ khác thấy, tức chẳng phải vô kiến vô đối, chẳng phải như tán sắc gọi là vô kiến đối, từ gốc mà đặt tên, chẳng phải thật không có. Quyển 33 ghi: “Thần thông định của phàm phu còn khiến kẻ khác thấy”, tức y cứ nghĩa đây. Có thuyết nói Phật quả không có mười lăm giới, nếu không như vậy thì Thắng định quả sắc lẽ ra không chỉ có pháp xứ. Bồ-tát Hộ Pháp v.v... giải thích: đứng về An lập để trong nhân vị, chỉ nói có xứ giới, chỉ pháp xứ nói Thắng định quả, nếu không như vậy tại sao kinh nói mười tám giới chủng thông Hữu lậu Vô lậu được thưởng sắc v.v...? Nên giải thích trước là hợp lý.

Trong nhân duyên cho nên biến v.v... sở có bốn giải thích:

1. Nhân duyên là nghĩa mặc tình, phân biệt là nghĩa gắng gượng tư duy. Luận sư Nan-đà nói xúc v.v... năm pháp cũng hay thọ huân trì các chủng tử, biến đều có dụng, tức trái thành nghiệp nhiều giống sinh mầm. Quyển 3 sau tự sẽ giải thích rộng lỗi này.

2. Nhân duyên là nhân duyên thật của các pháp, phân biệt là bảy thức còn lại vì chẳng phải thật chủng tử. Chỉ lấy sở biến của Thức thứ tám làm nhân duyên thì nhân duyên ở đây nói là nghĩa gì? Nếu luận về Dị thực lẽ ra thông với năm tâm sở, tại sao chẳng như vậy? Nếu sở biến của năm thức chẳng phải thật pháp, tại sao gọi là được tự tướng? Nếu nói được xứ tự tướng chẳng phải sự tự tướng tức xanh vàng v.v... và bốn đại mà chẳng phải năm thức được thì thật là khác thường! Lúc lửa đốt thân lẽ ra chẳng biết đau nóng v.v... và bản thức được thật chẳng phải năm thức tức là lẽ ra năm trần thuộc về pháp xứ chẳng phải thuộc về năm cảnh. Thừa nhận năm thức được tự tướng nghĩa là tổng từ biệt, chỗ năm trần thấu nhiếp đã chẳng thừa nhận duyên tự tướng, tại sao dùng giả từ thật thuộc về năm trần? Như Thắng định quả sắc, vốn chỉ do ý biến, giả sử tuy năm thức được, vì từ ngọn theo gốc, gọi là Thắng định quả, thuộc về pháp xứ. Là gốc nói ngọn, vì cảnh đối căn, đáng lý thuộc về năm trần. Các sắc xanh vàng v.v... cả năm vốn chẳng được, chỉ là sở duyên của ý, lẽ ra thuộc về pháp xứ, vì sao cho thật từ giả thuộc về năm trần?

3. Giải thích rằng nhân duyên là tâm Dị thực. Nhân nghĩa là danh ngôn chủng tử, duyên nghĩa là nghiệp duyên thiện ác, nếu tùy đây sinh biến hẳn có dụng, bản thức xúc v.v... lẽ ra cũng như vậy. Nếu chẳng tự tại nên gọi là chẳng phải thì năm thức chẳng phải tất cả thời, vì là nghiệp

quả. Ý đồng thời cũng vậy, vì sao biến hẳn có dụng. Lại, ý của xúc đầu là tâm của nghiệp quả. Nhân duyên biến nên lẽ ra cũng có dụng, do đây nên biết.

4. Thuyết thiện, nhân duyên là pháp thể thật từ chân chủng tử sinh, từ chân chủng tử sinh là sở biến có dụng, ngoài ra gọi là phân biệt.

Tánh cảnh chẳng tùy tâm, Độc ảnh chỉ từ kiến, Đối chất thông tình bản, Tánh chủng thủy tùy ứng, tánh cảnh toàn và một phần đối chất là nhân duyên biến. Độc ảnh và một phần đối chất là phân biệt biến. Nhưng đối chất cảnh có thể thông cả hai môn nhân duyên và phân biệt, tùy thuộc hai môn chủng và kiến. Nếu tâm sở duyên không có tâm dụng nghĩa là Kiến phần làm duyên của cảnh Tự chứng phần làm sao có dụng? Đáp: Vì tự thể nghĩa phần chẳng phải Tướng phần.

Biến Vô vi v.v... bèn không có thật dụng nghĩa là đồng lấy pháp bất tương ứng. Vô vi không thật, chỗ đồng chẳng tương ứng không có dụng, hợp mà làm văn, chẳng phải Vô vi không có dụng. Có giải thích Chân như chưa chứng thật, giả Vô vi không có dụng, cả hai đều chẳng duyên, hợp mà làm văn, nên nói không có thật dụng. Lại giải thích Chân như tuy không có tác dụng thật, nay nói dụng là lực dụng tức là lực của Chân như lia trói buộc. Nay nói bản thức biến là Chân như chẳng như bản thể, không có lực của thật lia trói buộc gọi là không có lực dụng. Chẳng phải không có tác dụng gọi là vô dụng. Đây giải thích là chánh. Lại, giả sử trong tâm ảnh tượng cũng không có thật dụng, do đó chẳng biến. Nói Thức thứ tám duyên ba loại cảnh, chẳng nói pháp xứ cảnh là y chẳng phải lực của định và thần thông vì là sở duyên của Pháp nhĩ, giả sử biến pháp xứ chẳng khác thân bên trong và khí vật bên ngoài, tức hai loại nhiếp hết.

